

CHƯƠNG III: CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

BÀI 16: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Tình hình kinh tế, chính trị - xã hội (Đọc thêm)

- Vào cuối thế kỉ XIX Đông Nam Á (trừ Xiêm) đều trở thành thuộc địa của các nước thực dân phương

Tây.

- Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân phương Tây đã làm cho nền kinh tế, chính trị - xã hội có những biến đổi quan trọng

a. Về kinh tế bị lôi cuốn vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa:

- Thị trường tiêu thụ.

- Cung cấp nguyên liệu thô.

b. Về chính trị thực dân khống chế và thu tóm mọi quyền lực.

c. Về xã hội

- Sự phân hóa giai cấp diễn ra sâu sắc.

- Giai cấp tư sản dân tộc lớn mạnh, giai cấp vô sản tăng nhanh về số lượng và ý thức cách mạng.

d. Những tác động và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và cao trào cách mạng thế giới

Đã làm cho pt cách mạng ở Đông Nam Á và các nước thuộc địa phát triển mạnh mẽ hơn và mang màu sắc mới.

2. Khái quát chung về phong trào độc lập ở Đông Nam Á

So với những năm đầu thế kỉ XX, phong trào đã có những bước tiến mới:

Một là: Bước phát triển của p trào dân tộc tư sản và sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

- Giai cấp tư sản đề ra mục tiêu đấu tranh rõ ràng, bên cạnh mục tiêu kinh tế, mục tiêu độc lập tự chủ

như đòi quyền tự chủ về chính trị, đòi dùng tiếng mẹ đẻ trong nhà trường.

- Đảng Tư sản được thành lập và ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội. (Đảng Dân tộc ở Indônêxia, phong

trào Tha Kin ở Miến Điện, Đại hội toàn Mã Lai...)

Hai là: Sự xuất hiện xu hướng vô sản:

- Công nhân tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lê-nin nên chuyển biến mạnh về nhận thức. Vì vậy, Đảng Cộng sản đã được thành lập ở nhiều nước (tháng 5/1920: Đảng Cộng sản Indônêxia (5-1920); năm 1930: Đảng Cộng sản Đông Dương, Mã Lai, Xiêm, Philippin...).

- Đảng lãnh đạo cách mạng, đưa phong trào trở nên sôi nổi, quyết liệt như khởi nghĩa vũ trang ở

Indônêxia (1926-1927); phong trào 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh ở Việt Nam).

II. PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở INDONEXIA (Đọc thêm)

1. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 20 của thế kỉ XX

a. Giai đoạn 1

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với sự phát triển của phong trào độc lập dân tộc, giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác-Lê-nin được truyền bá rộng rãi ở Indônêxia. Điều kiện đó đã đưa đến sự thành lập Đảng Cộng sản Indônêxia (tháng 5/1920).
- Vai trò Đảng Cộng sản Indônêxia (tháng 5/1920):
 - + Lãnh đạo cách mạng, tập hợp quần chúng.
 - + Đưa cách mạng phát triển, lan rộng ra khắp cả nước.
 - + Tiêu biểu: Khởi nghĩa vũ trang Giava và Xumatora (1926 - 1927)
- => Mặc dù thất bại song làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan.

b. Giai đoạn 2

- Năm 1927: Quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển sang Đảng dân tộc Indônêxia (của giai cấp tư sản) đứng đầu là Acmét Xucác nô.
- Chủ trương, đường lối đấu tranh:
 - + Đoàn kết với các lực lượng dân tộc, chống đế quốc
 - + Đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, không bạo lực, bất hợp tác với chính quyền thực dân.
 - + Đường lối này giống với đường lối của Đảng Quốc đại
 - + Đòi độc lập.

2. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 30 của thế kỷ XX

a. Đầu thập niên 30

- Phong trào lên cao và lan rộng khắp
- Hình thức đấu tranh phong phú, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Surabayax. Phong trào bị đàn áp dã man....

b. Cuối thập niên 30 cách mạng lại bùng lên với nét mới

- Chống chủ nghĩa phát xít.
- Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị Indônêxia, đứng đầu là A.Xucác nô
- Khẳng định ngôn ngữ, quốc kỳ, quốc ca.
- Chủ trương hợp tác với thực dân Hà Lan.

III. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP Ở LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Nguyên nhân

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa.
- Chính sách khai thác tàn bạo, chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề.
- Đã bùng nổ phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương.

2. Nét chính của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương

	Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Nhận xét chung
Lào	Ong Kẹo và Comandam Chậu Pachay	Kéo dài 30 năm 1918 - 1922	Phát triển mạnh mẽ. Mang tính tự phát, lẻ tẻ.
Campuchia	Phong trào chống thuế. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Rôlêphan.	1925 - 1926	- Có sự liên minh chiến đấu của cả 3 nước. - Sự ra đời của ĐCS Đông Dương đã tạo nên sự phát triển mới của cách mạng Đông Dương

3. Nhận xét

- Ở **Lào** phong trào đấu tranh phát triển mạnh những mang tính tự phát, chủ yếu ở địa bàn Bắc Lào
phong trào cách mạng liên hệ chặt chẽ với Việt Nam.
- Ở **Campuchia** phong trào bùng lên mạnh mẽ vào 1925 - 1926, phát triển thành đấu tranh vũ trang. Cũng mang tính tự phát, phân tán.

- Ở Việt Nam phong trào phát triển mạnh mẽ:

+ Năm 1930 Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời mở ra thời kỳ mới của cách mạng 3 nước Đông Dương.

+ Tập hợp - đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng trong xã hội.

+ Xây dựng cơ sở của Đảng Cộng sản ở nhiều nơi.

+ Đưa phong trào cách mạng phát triển theo xu hướng vô sản.

=> Trong những năm 1936-1939 Mặt trận Dân chủ Đông Dương tập hợp nhân dân chống phát xít và

chiến tranh. Một số cơ sở của Đảng cộng sản Đông Dương được xây dựng và củng cố ở Viêng Chăng, Phnom Pênh ... kích thích đấu tranh ở Lào và Campuchia

IV. CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN ANH Ở MÃ LAI VÀ MIẾN ĐIỆN (Đọc thêm)

1. Mã Lai

- **Nguyên nhân:** chính sách bóc lột nặng nề của thực dân Anh.

- **Nét chính:** Đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản thông qua tổ chức Đại hội toàn Mã Lai lãnh đạo.

- **Hình thức đấu tranh phong phú:**

+ Đòi dùng tiếng Mã Lai trong trường học.

+ Đòi tự do kinh doanh, cải thiện việc làm.

+ Giai cấp công nhân cùng tham gia tích cực. Tháng 4/1930: Đảng Cộng sản được thành lập đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện để lãnh đạo phát triển cách mạng.

2. Miến Điện

a. Đầu XX

- PT đấu tranh phát triển dưới nhiều hình thức (bất hợp tác, tẩy chay hàng hóa Anh, không đóng thuế...).

- Phong trào đã lôi cuốn đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Tiêu biểu là nhà sư Óttama đã khởi

xướng và lãnh đạo.

b. Trong thập niên 30

- Phong trào phát triển lên bước cao hơn.

- Tiêu biểu là phong trào Tha Kin đã lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia đòi quyền làm chủ đất

nước (đòi cải cách quy chế đại học, thành lập trường đại học riêng cho Miến Điện, đòi tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ và được quyền tự trị).

Kết quả: năm 1937 Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ và hưởng quyền tự trị trong khối liên hiệp Anh.

c. Đặc điểm chung

- Phong trào đấu tranh phát triển mạnh.

- Đều do giai cấp tư sản lãnh đạo.

- Đều đấu tranh bằng phương pháp hòa bình.

V. CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1932 Ở XIÊM (THÁI LAN) (Đọc thêm)

- Xiêm là một nước duy nhất ở Đông Nam Á còn giữ được nền độc lập dù chỉ là hình thức.

- Nguyên nhân: do sự bất mãn của các tầng lớp nhân dân với nền quân chủ chuyên chế.

- Năm 1932: bùng nổ ở Băng Cốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản mà thủ lĩnh là Pridi Phanômiông.

- Mục tiêu đấu tranh: đòi thực hiện cải cách kinh tế xã hội theo hướng tư sản nhưng vẫn duy trì ngôi

vua.

- Kết quả: lật đổ nền quân chủ chuyên chế Ra-ma VII, lập nên nền quân chủ lập hiến. Mở đường cho

Xiêm phát triển theo hướng tư bản.

- Tính chất: cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sau cttg thứ nhất, các nước phương Tây đã thay đổi chính sách đối với các nước thuộc địa ở Đông Nam Á như thế nào?

- A. Tăng cường chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa
- B. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chính trị, xã hội
- C. Hợp tác, giao lưu thúc đẩy kinh tế đối ngoại
- D. Vơ vét khoáng sản đưa về chính quốc

Câu 2. Ý không phản ánh đúng nét nổi bật về kinh tế của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Bị hội nhập cưỡng bức vào hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa
- B. Là thị trường tiêu thụ hàng hóa của các nước tư bản
- C. Là nơi cung cấp nguyên liệu cho các nước tư bản
- D. Công nghiệp có bước phát triển khởi sắc, nhất là công nghiệp nặng

Câu 3. Đặc điểm chung về tình hình chính trị của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. Vẫn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế
- B. Bị chính quyền thực dân khống chế
- C. Có nước giành được quyền tự chủ trong chừng mực nhất định
- D. Chính quyền thực dân có nguy cơ sụp đổ trước sức tiến công mạnh mẽ của phong trào cách mạng

Câu 4. Tình hình xã hội nổi bật ở các nước Đông Nam Á giai đoạn này là gì?

- A. Các giai cấp cũ bị phân hóa, các giai cấp mới hình thành
- B. Xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc, giai cấp mới ngày càng phát triển về số lượng và ý thức giai cấp
- C. Giai cấp công nhân ngày càng trưởng thành về số lượng và chất lượng
- D. Giai cấp tư sản dân tộc vươn lên mạnh mẽ

Câu 5. Sự kiện lịch sử thế giới nào đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á sau cttg 1 ?

- A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
- B. Phong trào công nhân quốc tế phát triển mạnh

Câu 8. Ý nào không phản ánh đúng nét mới trong phong trào dân tộc tư sản ở Đông Nam Á sau cttg thứ nhất?

- A. Mục tiêu giành độc lập được đặt ra rõ ràng
- B. Có sự liên kết với các phong trào khác trong cả nước
- C. Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng rộng rãi
- D. Diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú

Câu 9. Mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc ở Đông Nam Á là gì?

- A. Đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị, đòi dùng tiếng mẹ đẻ trong nhà trường
- B. Đòi quyền tự do, dân sinh dân chủ
- C. Đánh đuổi đế quốc, đánh đổ phong kiến
- D. Đánh đổ phong kiến, đánh đuổi đế quốc

Câu 10. Nét nổi bật của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở các nước Đông Nam Á dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là

- A. Đấu tranh đòi các quyền lợi về chính trị
- B. Đấu tranh đòi các quyền lợi về kinh tế
- C. Nổi ra các cuộc khởi nghĩa vũ trang
- D. Thực hiện chủ trương “vô sản hóa”

Câu 11. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phong trào dân tộc ở các nước Đông Nam Á diễn ra như thế nào?

- A. Dưới hình thức bất hợp tác
- B. Sôi nổi, quyết liệt
- C. Bí mật
- D. Hợp pháp

Câu 12. Vì sao sau Cttg 1, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp dâng cao ở Lào và Campuchia ?

- A. Thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân”
- B. Thực dân Pháp tăng cường khai thác thuộc địa và thực hiện chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề
- C. Thực dân Pháp tăng cường các chính sách thuế khóa, lao dịch
- D. Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột nặng nề đối với giai cấp công nhân ở các nước Đông Nam Á

C. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc D. Sự phục hồi của chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất <u>Câu 6.</u> Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á phát triển với quy mô như thế nào? A. Diễn ra ở ba nước Đông Dương B. Diễn ra ở hầu khắp các nước Đông Nam Á C. Diễn ra ở chỉ nơi nào có chính đảng của giai cấp tư sản lãnh đạo D. Diễn ra chỉ ở nơi nào có Đảng Cộng sản lãnh đạo <u>Câu 7.</u> Ý nào không phản ánh đúng nét mới trong phong trào dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? A. Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến rõ rệt B. Phong trào công nhân quốc tế phát triển mạnh C. Giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị D. Xuất hiện khuynh hướng cách mạng mới – khuynh hướng cách mạng vô sản	<u>Câu 13.</u> Cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Lào, kéo dài suốt hơn 30 năm đầu thế kỉ XX là A. Khởi nghĩa Ong Kẹo. B. Khởi nghĩa Commađam C. Khởi nghĩa Ong Kẹo và Commađam D. Khởi nghĩa Chậu Pachay <u>Câu 14.</u> Cuộc khởi nghĩa chống Pháp tiêu biểu ở Campuchia đầu thế kỉ XX mà chính quyền thực dân đã tiến hành đàn áp đẫm máu với hơn 400 người chết là A. Phong trào chống bắt phu, bắt lính ở tỉnh Prâyveng B. Phong trào chống bắt phu, bắt lính ở tỉnh Côngpông Chàm C. Phong trào chống bắt phu, bắt lính đấu tranh vũ trang chống Pháp ở tỉnh Côngpông Chơanăng D. Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Phacađuốc
--	---

CHƯƠNG IV

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

BÀI 17

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

I. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Các nước phát xít đẩy mạnh chính sách xâm lược (1931 - 1937)

- Đầu những năm 30, các nước phát xít **Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản** liên kết thành liên minh phát xít (Trục Béc-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô), tăng cường các hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới
- Thái độ của các nước lớn:
 - + Liên Xô : chủ trương liên kết với Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh nhưng bị từ chối.
 - + Anh, Pháp: thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít để đẩy chiến tranh về phía Liên Xô.
 - + Mỹ : Với Đạo luật trung lập (1935) không can thiệp vào các sự kiện bên ngoài châu Mỹ.
- Mâu thuẫn giữa các nước gây gắt, chông chéo và phức tạp.

2. Từ Hội nghị Mui-ních đến chiến tranh thế giới

- Tháng 03/1938, Đức thôn tính Áo, sau đó gây ra vụ Xuy-đét nhằm thôn tính Tiệp Khắc
- Liên Xô sẵn sàng giúp Tiệp Khắc chống xâm lược.
- Anh, Pháp tiếp tục chính sách thỏa hiệp, yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc nhượng bộ Đức.
- Ngày 29/09/1938, Hội nghị Mui-ních được triệu tập với sự tham gia của Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a:

Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy việc Hít-le hứa chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở Châu Âu.

* Ý nghĩa

- Hội nghị Mui-ních là đỉnh cao của chính sách nhượng bộ phát xít nhằm tiêu diệt Liên Xô của Anh-Pháp.
- Thể hiện âm mưu thống nhất của chủ nghĩa đế quốc trong việc tiêu diệt Liên Xô.

* Sau hội nghị Mui-ních

- Đức đưa quân thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939)
- Tiếp đó, Đức gây hấn và chuẩn bị tấn công Ba Lan.
- Ngày 23/8/1939 Đức ký với Liên Xô Hiệp ước “Xô - Đức không xâm lược nhau”
→ Như vậy, Đức đã phản bội lại hiệp định Mui-ních, thực hiện mưu đồ thôn tính châu Âu trước rồi mới
độc toàn lực đánh Liên Xô.

II. CTTG THỨ HAI BÙNG NỔ VÀ LAN RỘNG Ở CHÂU ÂU (Từ 9/1939 đến 6/1941)

1. Phát xít Đức tấn công Ba Lan và xâm chiếm Châu Âu (từ 9/1939 đến 9/1940)

- Ngày 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. CTTG thứ hai bắt đầu.
- Tháng 4/1940, Đức tấn công sang phía Tây, chiếm Đan Mạch, Na-uy, Bỉ, Phần Lan, Luxembourg-bua.
- Tháng 6/1940 Đức tấn công Pháp, chiếm đóng $\frac{3}{4}$ lãnh thổ Pháp.
- Tháng 7- 1940 kế hoạch tấn công nước Anh không thực hiện được.

2. Phe phát xít bành trướng ở Đông Nam Âu (từ tháng 09/1940 đến tháng 06/1941)

- Tháng 9-1940, Hiệp ước Tam cường Đức – Ý – Nhật ký tại Béc – lin qui định trợ giúp lẫn nhau và
công khai phân chia thế giới.
- Tháng 10-1940, Hít-le thôn tính các nước Đông và Nam Âu: Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri... bằng
vũ lực; Đức và Ý thôn tính Nam Tư và Hy Lạp.
- Hè 1941 Đức thống trị phần lớn Châu Âu.

III. CHIẾN TRANH LAN RỘNG KHẮP THẾ GIỚI (Từ 6/1941 đến 11/1942)

1. Phát xít Đức tấn công Liên Xô. Chiến sự ở Bắc Phi

a. Mặt trận Xô - Đức

- Rạng sáng 22/06/1941, Đức tiến hành “chiến tranh chớp nhoáng” tấn công Liên Xô. Ban đầu, do có ưu thế về vũ khí và kinh nghiệm tác chiến, quân Đức tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.
- Để tấn công Liên Xô:
 - + Đức đã huy động 190 sư đoàn với 5,5 triệu quân, 3712 xe tăng, 4950 máy bay.
 - + Chia làm 3 đạo quân, đồng loạt tấn công trên suốt dọc tuyến biên giới phía tây Liên Xô: đạo quân
phía bắc bao vây Lê-nin-grát, đạo quân trung tâm tiến tới ngoại vi thủ đô Matxcova, đạo quân phía nam chiếm Ki-ép và Ucraina.
- Nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12-1941, Hồng quân Liên Xô do tướng Giu-cốp chỉ huy đã đẩy lùi quân Đức. Chiến thắng Mát-xcơ-va đã làm phá sản chiến lược “chiến tranh chớp nhoáng” của Hít-le.
- Cuối năm 1942, Đức tấn công Xta-lin-grát - “nút sống” của Liên Xô- nhưng không chiếm được.

b. Mặt trận Bắc Phi

- Tháng 09/1940, I-ta-li-a tấn công Ai Cập.
- Tháng 10/1942, liên quân Anh-Mĩ giành thắng lợi trong trận En A-la-men, và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

2. Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

- Tháng 09/1940, Nhật kéo vào Đông Dương → quan hệ Mĩ-Nhật căng thẳng.

- Ngày 07/12/1941, Nhật bắt ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mỹ ở Thái

Bình Dương. Mỹ bị thiệt hại nặng nề → Chiến tranh lan rộng toàn thế giới.

- Sau Trân Châu Cảng, Nhật tấn công vào Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Nhật gần như làm chủ khu vực này.

3. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành.

- Hành động xâm lược của phe phát xít trên toàn thế giới đã thúc đẩy các quốc gia cùng phối hợp với

nhau trong một liên minh chống phát xít.

- Việc Liên Xô tham chiến làm thay đổi căn bản cục diện chính trị và quân sự của cuộc chiến, cổ vũ

manh mẽ cho phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng.

- Anh, Mỹ thay đổi thái độ, bắt tay cùng Liên Xô chống phát xít.

→ Ngày 01/01/1942, tại Oa-sinh-ton, 26 quốc gia, đứng đầu là Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra **“Tuyên ngôn**

Liên hiệp quốc” cam kết cùng nhau chống phát xít với toàn bộ lực lượng của mình → Khối Đồng minh chống phát xít được thành lập.

*Tính chất:

+ Giai đoạn đầu là chiến tranh đế quốc xâm lược phi nghĩa.

+ Khi Liên Xô tham chiến và khi khối Đồng minh chống phát xít được thành lập

→ Chiến tranh thế giới thứ II có tính chất là cuộc chiến tranh chống phát xít, bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới.

IV. QUÂN ĐỒNG MINH CHUYỂN SANG PHẢN CÔNG. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI KẾT

THỨC (Từ 11/1942 đến 8/1945)

1. Quân Đồng minh phản công (từ 11/1942 đến 6/1944)

a. Mặt trận Xô – Đức:

- Ở trận phản công Xta-lin-grát (từ tháng 11/1942 đến tháng 02/1943), Hồng quân Liên Xô đã tấn công tiêu diệt, bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do thống chế Pao-lút chỉ huy. Từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công trên các mặt trận.

- Chiến thắng Xtalingrát đã đánh dấu **bước ngoặt** căn bản của chiến tranh thế giới, buộc phát xít phải chuyển từ tấn công sang phòng ngự. Đồng thời bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các Mặt trận.

- Cuối tháng 08/1943, Hồng quân Liên Xô đã bẻ gãy cuộc phản công của quân Đức tại vòng cung

Cuốc-xơ.

- Tháng 06/1944 phần lớn lãnh thổ Liên Xô được giải phóng.

b. Ở Mặt trận Bắc Phi: Từ tháng 3 đến tháng 5/1943, liên quân Mỹ - Anh phản công quét sạch quân

Đức - Italia khỏi châu Phi. Chiến sự ở châu Phi chấm dứt.

c. Ở Italia: Tháng 7/1943 đến tháng 5/1945, liên quân Mỹ - Anh tấn công truy kích quân phát xít, làm cho chủ nghĩa phát xít Italia bị sụp đổ.

d. Ở Thái Bình Dương: Sau chiến thắng quân Nhật trong trận Gua-đan-ca-nan (1/1943) Mỹ phản công đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

2. Phát xít Đức bị tiêu diệt. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

a. Phát xít Đức bị tiêu diệt

- Sau khi giải phóng các nước Trung và Đông Âu (1944), tháng 1/1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công Đức ở Mặt trận phía Đông, tiến quân vào giải phóng các nước ở Trung và Đông Âu, tiến sát biên giới nước Đức.

- Tháng 2/1945, Liên Xô tổ chức hội nghị Ianta gồm 3 nước Liên Xô, Mỹ, Anh bàn về việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- Hè 1944, Mỹ, Anh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng cuộc đổ bộ tại Noóc-măng-đi (miền Bắc Pháp) tiến vào giải phóng Pháp, Bỉ, Hà Lan, chuẩn bị tấn công Đức.
- Ngày 30/04, lá cờ đỏ búa liềm được cắm trên nóc toà nhà Quốc hội Đức.
- Ngày 9/5/1945, nước Đức kí văn bản đầu hàng không điều kiện => **Chiến tranh chấm dứt ở Châu Âu**

b. Nhật bị tiêu diệt

- Quân Mỹ, Anh có những đợt phản công cuối cùng
- 7/1945 Hội nghị Potsdam đề giải quyết vấn đề sau chiến tranh.
- Ngày 8/8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu
- Ngày 6/8 và 9/8/1945 Mỹ ném tiếp quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki
- Ngày 15/8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện -> **Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.**

V. KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật.
- Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít.
- Liên Xô, Mỹ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- Hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế, thiệt hại vật chất 4000 tỉ đô-la.
- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Trong những năm 30 của thế kỉ XX, phe “Trục” được hình thành gồm các nước A. Đức, Liên Xô, Anh B. Đức, Italia, Nhật Bản C. Italia, Hunggari, Áo D. Mỹ, Liên Xô, Anh Câu 2. Bản chất sự liên kết các nước trong phe “Trục” là gì? A. Liên minh các nước thực dân B. Liên minh các nước tư bản dân chủ C. Liên minh các nước phát xít D. Liên minh các nước thuộc địa Câu 3. Hoạt động chủ yếu của các nước trong phe “Trục” là A. Mở rộng các hoạt động kinh tế, thương mại B. Đấu tranh cho phong trào hòa bình C. Phát xít hóa tất cả các thuộc địa D. Tăng cường hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Câu 4. Thái độ nhượng bộ phát xít của chính	Câu 8. Cttg II bùng nổ vào 9-1939, với sự kiện khởi đầu là A. Quân đội Đức tấn công Ba Lan B. Anh, Pháp tuyên chiến với Đức C. Đức tấn công Anh, Pháp D. Đức tấn công Liên Xô Câu 9. Để bảo vệ quyền lợi quốc gia trong tình thế bị cô lập, Chính phủ Liên Xô đã A. Kí Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược lẫn nhau B. Chủ trương liên kết với Anh, Pháp để chống chủ nghĩa phát xít C. Đứng về phía các nước Êtiôpia, nhân dân Tây Ban Nha, Trung quốc chống xâm lược D. Đưa quân giúp Tiệp Khắc chống cuộc xâm lược của Đức Câu 10. Tại sao Đức kí Hiệp ước Xô – Đức không xâm phạm lẫn nhau với Liên Xô? A. Đức nhận thức không đánh thắng nổi Liên Xô B. Đức sợ bị liên quân Anh – Pháp tấn công
--	---

phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ là do

A. Sợ các nước phát xít tiến công nước mình và muốn liên minh với phe phát xít

B. Lo sợ trước sự lớn mạnh của Liên Xô và muốn tiến công Liên Xô

C. Lo sợ sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít nhưng thù ghét chủ nghĩa cộng sản nên muốn đẩy chiến tranh về phía Liên Xô

D. Cần thời gian để chuẩn bị chiến đấu chống cả chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít

Câu 5. Đạo luật trung lập (8-1935) của Chính phủ Mĩ đã thể hiện chính sách

A. Không can thiệp vào tình hình các nước phát xít

B. Không can thiệp vào các sự kiện ở châu Âu

C. Không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ

D. Không can thiệp vào cuộc chiến giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít

Câu 6. Liên Xô đã có thái độ như thế nào với các nước phát xít?

A. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm và ngay lập tức tuyên chiến với phát xít Đức

B. Coi chủ nghĩa phát xít là đối tác trong cuộc chiến chống các nước đế quốc Anh, Pháp, Mĩ

C. Lo sợ chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên nhân nhượng với các nước phát xít

D. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nên chủ trương liên kết với các nước Anh, Pháp để chống px và nguy cơ chiến tranh.

Câu 7. Tại Hội nghị Muynich (Đức), Anh và Pháp đã có động thái như thế nào?

A. Kêu gọi đoàn kết chống lại chủ nghĩa phát xít, kiên quyết bảo vệ vùng Xuyđét của Tiệp Khắc

B. Tiếp tục nhân nhượng Đức, trao cho Đức vùng Xuyđét của Tiệp Khắc

C. Cắt một phần lãnh thổ của hai nước cho Đức để Đức tấn công Liên Xô

D. Quyết định liên kết với Liên Xô chống lại Đức và Italia.

sau lưng khi đang đánh Liên Xô

C. Đề phòng chiến tranh bùng nổ phải chống lại cả ba cường quốc trên hai mặt trận

D. Liên Xô không phải là mục tiêu tiến công của Đức

Câu 11. Tháng 6 – 1940, tại Pháp diễn ra sự kiện mà có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Việt Nam là

A. Đức chiếm đóng 3/4 lãnh thổ nước Pháp

B. Lực lượng kháng chiến Pháp hình thành

C. Chính phủ tự trị thành lập do Pétan đứng đầu làm tay sai cho phát xít Đức

D. Đức tiến công và chiếm 3/4 lãnh thổ nước Pháp, Chính phủ Pháp đầu hàng và làm tay sai cho Đức

Câu 12. Tháng 6 – 1941, phát xít Đức quyết định tấn công Liên Xô vì

A. Hiệp ước Xô – Đức không xâm lược lẫn nhau hết hiệu lực

B. Anh, Pháp và hầu hết châu Âu đã đầu hàng

C. Quân Đức đã thống trị phần lớn châu Âu, có đủ điều kiện tấn công Liên Xô

D. Thực hiện cam kết với Anh, Pháp về việc tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản

Câu 13. Quân Đức sử dụng kế hoạch nào để tấn công Liên Xô?

A. Kế hoạch đánh bèn bĩ, lâu dài

B. Kế hoạch bao vây, đánh tía bộ phận

C. Kế hoạch vừa đánh vừa đàm phán

D. Kế hoạch “chiến tranh chớp nhoáng”

Câu 14. Trận đánh có ý nghĩa bước ngoặt của Hồng quân Liên Xô chuyển từ phòng thủ sang tấn công là

A. Trận Mátxcova

B. Trận Cuốcxơ

C. Trận Xtalingrát

D. Trận công phá Béclin

BÀI 18

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

I. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 – 1945)

1. Liên Xô (nước Nga)

Thời gian	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
Tháng 2/1917	Cách mạng tháng Hai	- Tổng bãi công chính	- Lật đổ chế độ Nga hoàng

		trị ở Pê-tơ-rô-grát. - Khởi nghĩa vũ trang - Nga hoàng bị lật đổ	- Hai chính quyền song song tồn tại - Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
Tháng 11/1917	Cách mạng XHCN tháng Mười thắng lợi.	- 25/10/1917, chiếm Cung điện Mùa Đông, toàn bộ chính phủ lâm thời tư sản bị bắt. - Chính quyền Xô viết thành lập do Lê-nin đứng đầu.	- Thành lập chính quyền Xô Viết do Lê-nin đứng đầu. - Nhân dân lao động Nga được làm chủ đất nước và vận mệnh mình. - Cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới theo đường lối cách mạng vô sản
Tháng 12/1922	Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập (Liên Xô).	- Gồm 4 nước Cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, Ucraina, Bêlorutxia và ngoại Cápcađơ.	- Tăng cường sức mạnh về mọi mặt để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
1941 - 1945	Chiến tranh vệ quốc vĩ đại	- Giải phóng lãnh thổ Liên Xô. - Giải phóng các nước Trung và Đông Âu. - Tiêu diệt phát xít Đức ở Béc-lin, tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu.	- Là lực lượng trụ cột góp phần quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. - Bảo vệ vững chắc tổ Quốc xã hội chủ nghĩa, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Các nước tư bản chủ nghĩa

Thời gian	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
1919 - 1922	Hội nghị Véc xai và Oa-sinh-ton	- Kí kết hòa ước giữa các nước thắng trận và bại trận. - Các nước bại trận chịu những điều khoản nặng nề	Một tttg mới: trật tự Véc-xai, Oa-sinh-ton và Hội quốc liên. - Mâu thuẫn giữa các đq tiếp tục căng thẳng.
1918 - 1923	Khủng hoảng kinh tế, chính trị	- Kinh tế các nước CNTB không ổn định - Cao trào cách mạng 1918 - 1923 dâng cao	Phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh, Quốc tế Cộng sản thành lập (1919)
1924 - 1929	Thời kì ổn định tạm thời	- Kinh tế các nước tư bản ổn định và phát triển, đặc biệt là Mỹ. - Kinh tế bộc lộ nhiều nhược điểm.	Giai đoạn ổn định tạm thời nhưng ẩn chứa nhiều mầm mống dẫn đến khủng hoảng.
1929 - 1933	Khủng hoảng kinh tế thế giới	- Nổ ra đầu tiên ở Mỹ, lan rộng khắp thế giới, tàn phá nặng nề nền kinh tế, chính trị các nước tư bản, làm xã hội rối loạn. - Phong trào cách mạng bùng nổ.	Các nước tư bản lối thoát bằng những cách khác nhau: cải cách kinh tế, xã hội (Anh, Pháp, Mỹ), hoặc thiết lập chế độ phát xít (Đức, I-ta-li-a, Nhật)
1933	Chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở	- Ngày 30/1/1933 Hít-le lên làm Thủ tướng.	- Mở ra thời kỳ đen tối trong lịch sử nước Đức

	Đức.	Chính phủ, thiết lập chế độ độc tài phát xít ở Đức. - Thi hành chính sách, chính trị, kinh tế, đối ngoại phản động nhằm phát động chiến tranh phân chia lại thế giới.	- Báo hiệu nguy cơ chiến tranh thế giới.
1933 - 1935	Chính sách mới (New Deal) của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven	Thực hiện một hệ thống các chính sách, biện pháp của nhà nước trên các lĩnh vực KT tài chính và chính trị xã hội.	- Cứu cntb Mĩ khỏi cơn nguy kịch. - Làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dcts, không đi theo con đường chủ nghĩa p xít
1933 - 1939	Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật.	- Chủ nghĩa px, quân phiệt lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật, ra sức chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh chia lại thế giới. - Liên Xô muốn liên minh với tư bản chống phát xít nhưng bị từ chối. Anh, Pháp dung dưỡng phát xít để chống Liên Xô. Mĩ giữ thái độ trung lập - Mặt trận nd chốngpx hình thành và thắng lợi ở nhiều nước.	- Thế giới hình thành 2 khối đế quốc đối đầu nhau, làm quan hệ quốc tế luôn căng thẳng. - Tạo điều kiện cho Đức gây chiến..
1939 – 1945	Chiến tranh thế giới thứ hai	- Lúc đầu là cuộc chiến giữa hai khối đế quốc. - Sau khi Liên Xô và Mĩ tham chiến, Mặt trận Đồng minh chống phát xít hình thành	- Chủ nghĩa px bại trận, thắng lợi thuộc về phe Đồng minh.. - Hội nghị I-an-ta được triệu tập để thiết lập trật tự thế giới mới.

3. Các nước châu Á

Thời gian	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
1918 - 1923	Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc	- Phong trào Ngũ Tứ ở Trung Quốc. - Cuộc đấu tranh của nhân dân Mông Cổ, Ấn Độ ...	- Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân châu Á. - Chuẩn bị cho bước phát triển ở giai đoạn sau.
1924 – 1929	Phong trào giải phóng dân tộc phát triển	- Nội chiến ở Trung Quốc. - Phong trào công nhân và những hoạt động của Đảng Quốc đại ở Ấn Độ., Đảng Cộng sản ở In-đô-nê-xi-a.	- Giáng đòn mạnh vào các thế lực thống trị.
1929 - 1939	Phong trào giải phóng dân tộc và lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.	- Đấu tranh chống chế độ phản động Tưởng Giới Thạch và phát xít Nhật ở Trung Quốc. - Nhiều Đảng Cộng sản được thành lập: Ấn Độ (1939), Việt Nam (1930). - Thành lập Mặt trận nhân dân	Tạo nên làn sóng cách mạng chống đế quốc, thực dân, phát xít ở các nước châu Á

		chống phát xít ở Việt Nam (1936), In-đô-nê-xi-a (1929)	
1939 – 1945	Phong trào GPDT trong Chiến tranh thế giới thứ hai.	- Trung Quốc: Kết thúc thắng lợi 8 năm kháng chiến chống Nhật. - Đông Nam Á: nhiều nước giành được độc lập: Việt Nam, In-đô-nê-xi-a (8/1945), Lào (10/1945)	Nhiều nước châu Á giành độc lập, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh tiêu diệt phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

1. Sự phát triển khoa học-kỹ thuật: đã thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển với tốc độ cao, làm thay

đời sống chính trị, văn hóa, xã hội của các quốc gia, dân tộc.

2. Chủ nghĩa xã hội: được xác lập ở một nước đầu tiên trên thế giới (Liên Xô), nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Chỉ trong thời gian ngắn, Liên Xô đã vươn lên trở thành một cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới, có nền văn hóa, khoa học – kỹ thuật tiên tiến và vị thế quan trọng trên trường quốc tế.

3. Phong trào cách mạng thế giới bước sang thời kì phát triển mới từ sau thắng lợi của cách mạng

tháng Mười và sự kết thúc của Chiến tranh thế giới thứ hai, qua các bước chính:

- Cao trào cách mạng 1918 – 1923 và sự thành lập Quốc tế Cộng sản.
- Phong trào cách mạng những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933)
- Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh (1936 – 1939)
- Cuộc chiến đấu chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

4. Chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới và trải qua những bước thăng

trầm đầy biến động, dẫn đến sự hình thành chủ nghĩa phát xít và cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

5. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất, tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại. Chiến tranh kết thúc đã mở ra một thời kì phát triển mới của lịch sử thế giới.

.....

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Năm 1917, sự kiện nào đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga A. Chiến tranh thế giới thứ nhất B. Cách mạng tháng Hai C. Cách mạng tháng Mười D. Luận cương tháng tư Câu 2. Cách mạng tháng Mười Nga đã mang lại kết quả ra sao? A. Lật đổ chính phủ tư sản, thành lập nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới B. Lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, thiết lập nền chuyên chính vô sản C. Lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời thay thế	Câu 9. Đặc điểm chung của các nước Đức, Italia và Nhật Bản trong những năm 30 của thế kỉ XX là gì? A. Nền cộng hòa sụp đổ, thay bằng nền độc tài quân phiệt B. Đảng Quốc xã nắm chính quyền C. Diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ D. Phát xít há, quân phiệt hóa chế độ, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và trở thành lò lửa chiến tranh Câu 10. Mục tiêu nổi bật của phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản trong những năm 30 là
--	---

bằng chính phủ chính thức

D. Lật đổ chế độ chuyên chế Nga hoàng, đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền

Câu 3. Liên Xô là cụm từ viết tắt của

A. Liên bang Xô viết

B. Liên hiệp các Xô viết

C. Liên hiệp các Xô viết xã hội chủ nghĩa

D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

Câu 4. Sau thành công của Cách mạng tháng

Mười Nga năm 1917, chế độ nào không còn là hệ thống duy nhất trên tg và trải qua những bước thăng trầm đầy biến động?

A. Chế độ quân chủ chuyên chế

B. Chủ nghĩa tư bản

C. Chủ nghĩa đế quốc

D. Xã hội chủ nghĩa

Câu 5. Tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943, tổ chức nào đã tiến hành 7 đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kì phát triển của cách mạng trên thế giới

A. Hội quốc liên

B. Liên hợp quốc

C. Phe Đồng minh

D. Quốc tế Cộng sản

Câu 6. Cuộc khủng hoảng kinh tế tg 1929 – 1933 đã để lại hậu quả nghiêm trọng nhất đối với thế giới là

A. Dư thừa hàng hóa do cung vượt quá cầu

B. Xuất hiện chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh

C. Nạn thất nghiệp tràn lan

D. Sản xuất đình đốn

Câu 7. Các nước đế quốc giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 bằng con đường nào?

A. Cải cách kinh tế - xã hội và trút gánh nặng sang thuộc địa

B. Cải cách kinh tế - xã hội, tăng cường bóc lột nhân dân lao động

C. Cải cách kinh tế - xã hội hoặc phát xít hóa bộ máy nhà nước

D. Phát xít hóa bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa

Câu 8. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập, tiến hành chạy đua vũ trang giữa Mỹ, Anh, pháp và Đức, Italia, Nhật Bản đã báo hiệu

A. Nguy cơ bành trướng của chủ nghĩa phát xít

B. Nguy cơ mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc

C. Nguy cơ một cuộc chiến tranh TG mới

D. Nguy cơ sụp đổ của chủ nghĩa tư bản

A. Chống chủ nghĩa đế quốc và chống chiến tranh xâm lược

B. Chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh

C. Chống chủ nghĩa đế quốc và chính phủ tư sản

D. Chống chiến tranh, đói nghèo

Câu 11. Đặc điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ là

A. Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng phương pháp bạo lực cách mạng

B. Đảng Quốc đại lãnh đạo bằng biện pháp hòa bình

C. Đảng Cộng sản lãnh đạo bằng biện pháp hòa bình

D. Đảng Quốc đại lãnh đạo bằng phương pháp bạo lực cách mạng

Câu 12. Nét mới trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc cttg (1918 – 1939) là gì?

A. Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến mới, nhiều Đảng Cộng sản ra đời

B. Phong trào đấu tranh do Đảng Cộng sản lãnh đạo

C. Phong trào tư sản dân tộc suy yếu, phong trào vô sản lớn mạnh

D. Phong trào vô sản suy yếu, phong trào tư sản dân tộc lên cao

Câu 13. Lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Việt Nam, Lào, Campuchia trong những năm 1930 – 1939 là

A. Các quý tộc địa phương

B. Đảng Dân tộc ở mỗi nước

C. Giai cấp tư sản dân tộc ở từng nước

D. Đảng Cộng sản Đông Dương

Câu 14. Tổ chức có vai trò tập hợp lực lượng đấu tranh phổ biến trong những năm 1936 – 1939 là

A. Mặt trận giải phóng dân tộc

B. Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh

C. Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống độc tài

D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế

PHẦN III
LỊCH SỬ VIỆT NAM
(1858 – 1918)

CHƯƠNG I
VIỆT NAM TỪ 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

BÀI 19
NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC
(TỪ 1858 ĐẾN TRƯỚC 1873)

I. LIÊN QUÂN PHÁP - TÂY BAN NHA XÂM LƯỢC VIỆT NAM. CHIẾN SỰ Ở ĐÀ NẴNG NĂM 1858.

1. Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp

- Giữa thế kỉ XIX, Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, song chế độ phong kiến đã lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

- **Kinh tế:**

+ Nông nghiệp sa sút, mất mùa, đói kém thường xuyên.

+ Công thương nghiệp đình đốn. Nhà nước thực hiện chính sách “Bế quan tỏa cảng”.

- **Quân sự:** lạc hậu.

- **Đối ngoại sai lầm:** cấm đạo, xua đuổi giáo sĩ, làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc.

- **Xã hội:** nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra: Cao Bá Quát, Lê Duy Lương...

→ Như vậy, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị xâm lược.

2. Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam (Đọc thêm)

- Tư bản phương Tây và Pháp nhòm ngó Việt Nam từ rất sớm, bằng con đường buôn bán và truyền đạo.

- Giữa thế kỉ XIX, Pháp tiến nhanh trên con đường công nghiệp hoá, tìm cách tiến đánh Việt Nam để

tranh giành ảnh hưởng với Anh ở khu vực Châu Á.

- Năm 1857, Na-pô-lê-ông III lập ra Hội đồng Nam Kỳ để bàn cách can thiệp vào nước ta, đồng thời tích cực xâm chiếm Việt Nam. Việt Nam đứng trước nguy cơ bị xâm lược.

- Cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào nông dân Tây Sơn nổ ra, Nguyễn Ánh đã cầu cứu nước ngoài nhằm khôi phục lại quyền lực. Giám mục Bá Đa Lộc đã chớp cơ hội đó tạo điều kiện cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam bằng Hiệp ước Vécxai năm 1787. Với Hiệp ước này, tư bản Pháp hứa sẽ giúp Nguyễn Ánh đánh lại nhà Tây Sơn, đổi lại Pháp được sở hữu cảng Hội An, đảo Côn Lôn và độc quyền mua bán tại Việt Nam.

1. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

*** Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên:**

- Đà Nẵng là cảng nước sâu vì vậy tàu chiến có thể hoạt động dễ dàng.

- Có thể dùng Đà Nẵng làm bàn đạp tấn công Huế, buộc triều Nguyễn phải đầu hàng, kết thúc nhanh

chóng cuộc xâm lược Việt Nam.

- Là nơi thực dân Pháp xây dựng được cơ sở giáo dân theo Kitô, chúng hy vọng được giáo dân ủng hộ

*** Diễn biến**

- Ngày 31/08/1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng, âm mưu chiếm Đà Nẵng làm căn cứ rồi tấn công ra Huế, buộc nhà Nguyễn đầu hàng.

- Sáng 01/9/1858, Pháp gửi tối hậu thư song không đợi trả lời đã nổ súng tấn công và đổ bộ lên bán

đảo Sơn Trà.

- Quân dân ta anh dũng chống xâm lược, thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” gây cho địch nhiều khó khăn. Pháp bị cầm chân 5 tháng trên bán đảo Sơn Trà. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp thất bại.

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở GIA ĐỊNH VÀ CÁC TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM KÌ TỪ

1859 - 1862

1. Kháng chiến ở Gia Định

*** Gia Định**

- Là vựa lúa của Việt Nam, có vị trí chiến lược quan trọng.
- Hệ thống giao thông đường thủy ở đây rất thuận lợi
- Pháp muốn cắt đứt con đường tiếp tế lương thực của triều đình nhà Nguyễn và dễ dàng làm chủ lưu vực sông Mê Kông.

*** Diễn biến**

- Tháng 2/1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định nhưng gặp nhiều khó khăn do hoạt động của các dân binh. Kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp thất bại, chúng phải chuyển sang kế hoạch “chinh phục từng góì nhỏ”.
- 2/1860, Pháp đưa quân từ Đà Nẵng vào Gia Định tiếp tục đánh chiếm.
- Triều Nguyễn bị động đối phó. Quân đội giữ thế “thủ hiểm”.
- Nguyễn Tri Phương vào xây dựng phòng tuyến Chí Hoà để phòng thủ.
- Nghĩa quân do Dương Bình Tâm lãnh đạo tiếp tục tấn công giặc ở đồn Chợ Rẫy (07/1860)

*** Kết quả**

- Pháp bị sa lầy ở Đà Nẵng và Gia Định
- Triều đình Huế phân hóa, xuất hiện tư tưởng chủ hòa làm lòng người li tán.

2. Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước Nhâm Tuất (05/06/1862)

- Tháng 02/1861, Pháp tấn công Đại Đồn Chí Hoà, quân ta kháng cự quyết liệt nhưng do hỏa lực địch quá mạnh, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long.
- Phong trào kháng chiến của nhân dân dâng cao, tiêu biểu là đội quân của Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu Ép-Pê-Răng trên sông và làm nức lòng quân dân ta.
- Triều Nguyễn đã kí với Pháp bản hiệp ước **Nhâm Tuất** (05/06/1862) gồm 12 điều khoản.

*** Hiệp ước Nhâm Tuất 5-6-1862**

- Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn
- Mở 3 cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán
- Bồi thường cho Pháp chiến phí 20 triệu quan.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN NAM KÌ SAU HIỆP ƯỚC 1862

1. Nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ tiếp tục kháng chiến sau Hiệp ước 1862

- Triều đình ra lệnh giải tán các đội nghĩa binh.
- Nhân dân tiếp tục kháng chiến vừa chống Pháp vừa chống phong kiến đầu hàng.

*** Khởi nghĩa Trương Định** gây nhiều khó khăn cho Pháp. Nghĩa quân xây dựng căn cứ ở Gò Công, liên kết lực lượng đánh địch ở nhiều nơi, giải phóng nhiều vùng ở Gia Định, Định Tường.

- Tháng 02/1863, Pháp tấn công Gò Công, nghĩa quân anh dũng chiến đấu,
- Tháng 08/1864, Trương Định hy sinh. Khởi nghĩa kết thúc.
- Tháng 9/1861: Khởi nghĩa của Trương Định chống Pháp ở Gia Định.

2. Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam kỳ

- Lợi dụng sự bạc nhược của triều đình Huế.
- Ngày 20/06/ 1867, Pháp ép Phan Thanh Giản nộp thành Vĩnh Long không điều kiện.

- Từ 20 đến 24/ 06/1867, Pháp chiếm Vĩnh Long , An Giang và Hà Tiên không tốn một viên đạn.

3. Nhân dân ba tỉnh miền Tây chống Pháp

- Phong trào kháng chiến tăng cao:

- Một số sĩ phu ra Bình Thuận xây dựng Đồng Châu xã do **Nguyễn Thông** cầm đầu mưu cuộc kháng chiến lâu dài.

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra: **Trương Quyền** ở Tây Ninh; **Phan Tôn, Phan Liêm** ở Ba Tri; **Nguyễn**

Trung Trực ở Hòn Chông (Rạch Giá) **Nguyễn Hữu Huân** ở Tân An, Mỹ Tho ...; **Âu Dương Lân** ở Vĩnh Long , Long Xuyên, Cần Thơ...

- Do lực lượng chênh lệch, cuối cùng phong trào thất bại nhưng đã thể hiện lòng yêu nước nồng nàn và ý chí bất khuất của nhân dân ta.

*** Nhận xét:** Từ sau 1862, cuộc kháng chiến của nhân dân mang tính độc lập với triều đình, vừa chống Pháp vừa chống phong kiến đầu hàng “dập dìu trống đánh cờ xiêu, phen này quyết đánh cả triều lẫn Tây”, cuộc kháng chiến của nhân dân gặp nhiều khó khăn do thái độ bỏ rơi, xa lánh của triều đình với lực lượng kháng chiến

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Điểm nổi bật của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị
- B. Có một nền chính trị độc lập
- C. Đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa
- D. Có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng

Câu 2. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng lưu tán trở nên phổ biến ở nước ta giữa tk XIX?

- A. Ruộng đất rơi vào tay địa chủ, cường hào
- B. Đê điều không được chăm sóc
- C. Nhà nước tổ chức khẩn hoang quy mô lớn
- D. Sản xuất nông nghiệp sa sút

Câu 3. Nguyên nhân nào là cơ bản kiến công, thương nghiệp nước ta đình đốn ở thế kỉ XIX?

- A. Thợ thủ công, thương nhân bỏ nghề vì thuế khóa nặng nề
- B. Nhà nước nắm độc quyền về công thương nghiệp
- C. Bị thương nhân nước ngoài cạnh tranh gay gắt
- D. Thiếu nguyên vật liệu

Câu 4. Chính sách “bế quan tỏa cảng” của nhà Nguyễn thực chất là

- A. Nghiêm cấm các hoạt động buôn bán
- B. Nghiêm cấm các thương nhân buôn bán hàng hóa với người nước ngoài

Câu 8. Năm 1857, Napolêông III lập ra Hội đồng Nam Kỳ, tiếp đó cho sứ thần tới Huế đòi “tự do buôn bán và truyền đạo”, tăng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương. Những hành động đó chứng tỏ điều gì?

- A. Pháp muốn đầu tư, hợp tác kinh tế với Việt Nam
- B. Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam
- C. Việt Nam là đối tác tiềm năng của Pháp
- D. Pháp không quan tâm đến Việt Nam

Câu 9. Giữa thế kỉ XIX, Pháp ráo riết tìm cách đánh chiếm Việt Nam để

- A. Biến Việt Nam thành bàn đạp xâm lược Quảng Châu (Trung Quốc)
- B. Tranh giành ảnh hưởng với Anh tại châu Á
- C. Loại bỏ sự ảnh hưởng của triều đình Mãn Thanh ở Việt Nam
- D. Biến Việt Nam thành căn cứ để tiến công thuộc địa của Anh

Câu 10. Chiều 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo quân tới dàn trận trước cửa biển nào?

- A. Đà Nẵng
- B. Hội An
- C. Lăng Cô
- D. Thuận An

Câu 11. Vì sao Tây Ban Nha tham gia liên quân với Pháp xâm lược Việt Nam?

- A. Quân Pháp quá yếu, muốn dựa vào quân

C. Không giao thương với thương nhân phương Tây D. Cấm người nước ngoài đến buôn bán tại VN. <u>Câu 5.</u> Chính sách “cấm đạo” của nhà Nguyễn đã dẫn đến hậu quả gì? A. Làm cho Thiên Chúa giáo không thể phát triển ở Việt nam B. Gây ra mâu thuẫn, làm rạn nứt khối đoàn kết dt, khiến người dân theo các tôn giáo khác lo sợ C. Gây mâu thuẫn trong quan hệ với phương Tây, làm rạn nứt khối đoàn kết dân tộc, bất lợi cho sự nghiệp kháng chiến D. Gây không khí căng thẳng trong quan hệ với các nước phương Tây <u>Câu 6.</u> Trong cuộc chạy đua thôn tính phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng việc làm nào để chuẩn bị tiến hành xâm lược Việt Nam A. Buôn bán, trao đổi hàng hóa B. Truyền bá đạo Thiên Chúa C. Đầu tư kinh doanh, buôn bán tại Việt Nam D. Thông qua buôn bán vũ khí với nhà Nguyễn <u>Câu 7.</u> Việc Nguyễn Ánh từng dựa vào Pháp để khôi phục quyền lợi của dòng họ Nguyễn đã tạo ra A. Xu hướng thân thiết với Pháp trong triều đình B. Sự phá vỡ chính sách “bế quan tỏa cảng” C. Điều kiện cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam D. Khả năng phát triển của Việt Nam bằng con đường hợp tác với phương Tây	Tây Ban Nha B. Pháp và Tây Ban Nha thỏa thuận chia nhau xâm lược Việt Nam C. Trả thù cho một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giam giữ, giết hại D. Tây Ban Nha không muốn Pháp độc chiếm Việt Nam <u>Câu 12.</u> Hãy chọn phương án phù hợp để hoàn thiện đoạn dữ liệu sau: Âm mưu của Pháp là chiếm làm căn cứ, rồi tấn công ra nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng. A. Lăng Cô ... Huế B. Đà Nẵng ... Huế C. Đà Nẵng ... Hà Nội D. Huế ... Hà Nội <u>Câu 13.</u> Nội dung nào không phải là lí do khiến Pháp quyết định chiếm Gia Định? A. Pháp nhận thấy không thể chiếm Đà Nẵng B. Chiếm Gia Định có thể cắt đường tiếp tế lương thực của nhà Nguyễn C. Gia Định không có quân triều đình đóng D. Gia Định có hệ thống giao thông thuận lợi, từ Gia Định có thể rút quân sang Campuchia <u>Câu 14.</u> Tại sao khi chiếm được thành Gia Định năm 1859, quân Pháp lại phải dung thuốc nổ phá thành và rút xuống tàu chiến? A. Vì trong thành không có lương thực B. Vì trong thành không có vũ khí C. Vì quân triều đình phản công quyết liệt D. Vì các đội dân binh ngày đêm bám sát và tiêu diệt chúng
--	--

BÀI 20
CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ NƯỚC.
CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 188.
NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

I. THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873). KHÁNG CHIẾN LAN RỘNG RA BẮC KÌ

1. Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (Không dạy)

Sau khi Pháp đánh chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ, tư tưởng chủ hòa trong triều đình thắng thế.

- Chính trị: triều Nguyễn tiếp tục chính sách “bế quan tỏa cảng”.
- Kinh tế: ngày càng kiệt quệ.
- Xã hội: nhân dân bất bình, nổi dậy chống triều đình.

- Nhiều sĩ phu muốn canh tân đất nước nhưng đa phần các đề nghị cải cách không được thực hiện.

2. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc kì lần thứ nhất (1873)

- Sau khi chiếm Nam Kì, Pháp thiết lập bộ máy cai trị, biến nơi đây thành bàn đạp mở rộng cuộc chiến tranh ra cả nước

Nhưng trước hết là ở Bắc Kì.

- Viện cớ giúp triều đình nhà Nguyễn giải quyết vụ lái buôn Duy-puy đang gây rối ở Hà Nội, Pháp đem

quân xâm chiếm Bắc Kì.

- Tháng 11/1873, Gác-ni-ê đem quân tới Hà Nội.

- Ngày 19/11/1873, Gác-ni-ê gửi tới hậu thư cho Nguyễn Tri Phương – Tổng đốc thành Hà Nội, yêu cầu giải tán quân đội, nộp vũ khí và cho Pháp đóng quân trong nội thành.

- Không đợi trả lời, ngày 20/11/1873, Pháp chiếm thành; sau đó mở rộng đánh chiếm các tỉnh thành ở đồng bằng Bắc Kì : Hưng Yên, Phủ Lí, Ninh Bình, Nam Định...

3. Phong trào kháng chiến ở Bắc Kì trong những năm 1873 - 1874

- Khi Pháp đánh thành Hà Nội, 100 binh lính đã chiến đấu và anh dũng hi sinh tại cửa ô Quan Chưởng.

- Tổng đốc Nguyễn Tri Phương (73 tuổi) chỉ huy quân sĩ chiến đấu dũng cảm. Nguyễn Tri Phương hi

sinh, thành Hà Nội thất thủ, quân triều đình nhanh chóng tan rã. Con trai ông Nguyễn Lâm cũng hi sinh

- Nhân dân tiếp tục chiến đấu quyết liệt, buộc Pháp phải rút về các tỉnh lỵ cổ thủ.

- Trận đánh gây tiếng vang lớn là trận Cầu Giấy lần 1 (21/12/1873). Gác-ni-ê tử trận.

- Pháp hoảng hốt, tìm cách thương lượng với triều đình Huế, kí **Hiệp ước 1874**

+ Nhà Nguyễn nhượng hẳn 6 tỉnh Nam Kì cho Pháp.

+ Pháp được tự do buôn bán và được đóng quân tại những vị trí then chốt ở Bắc Kì...

- Hiệp ước gây nên làn sóng bất bình trong nhân dân. Cuộc kháng chiến của nhân dân chuyển sang giai đoạn mới: vừa chống Pháp vừa chống triều đình phong kiến đầu hàng.

II. THỰC DÂN PHÁP TIẾP ĐÁNH BẮC KÌ LẦN THỨ HAI (1882). CUỘC KHÁNG CHIẾN Ở BẮC KÌ VÀ TRUNG KÌ TRONG NHỮNG NĂM 1882 - 1884

1. Quân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc kì và Trung kì trong những năm 1882 và 1884.

- Năm 1882, Pháp vu cáo triều đình vi phạm Hiệp ước 1874 để lấy cớ kéo quân ra Bắc Kì lần 2.

- Ngày 3/4/1882, Đại tá Ri-vi-e chỉ huy quân Pháp đổ bộ lên Hà Nội

- 25/4/1882 Quân Pháp gửi tới hậu thư cho tổng đốc Hoàng Diệu, yêu cầu nộp thành Hà Nội rồi nổ súng chiếm Thành.

- 3/1883: Pháp chiếm mỏ than Hồng Gai, Quảng Yên và tỉnh Nam Định.

2. Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì kháng chiến

- Quan quân triều đình và Tổng đốc Hoàng Diệu anh dũng chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội. Khi thành

mất, Hoàng Diệu tự vẫn để giữ khí tiết.

- Nhân dân ta dũng cảm chiến đấu chống Pháp:

+ Các sĩ phu không tuân lệnh triều đình, tiếp tục tổ chức kháng chiến.

+ Quân dân ta tích cực chiến đấu, gây cho Pháp nhiều khó khăn, tiêu biểu là trận Cầu Giấy lần hai

(19/05/1883), giết chết Ri-vi-e.

III. THỰC DÂN PHÁP TẤN CÔNG CỬA BIỂN THUẬN AN. HIỆP ƯỚC 1883 VÀ 1884

1. Quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An (Đọc thêm)

- Lợi dụng lúc vua Tự Đức mất (17/7/1883), Pháp đánh thẳng vào Huế, buộc triều Nguyễn phải đầu hàng.

- Ngày 18/8/1883, Đô đốc Cuốc-bê chỉ huy chiếm các pháo đài ở cửa Thuận An.

- Đến chiều tối 20/8/1883, toàn bộ cửa biển Thuận An lọt vào tay Pháp.

2. Hai bản hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến Nguyễn đầu hàng.

* Nghe tin Pháp tấn công Thuận An, triều Huế xin đình chiến, kí Hiệp ước Hác-măng (1883).
Nội dung:

- Việt Nam đặt dưới sự “bảo hộ” của Pháp.

+ Nam Kỳ là thuộc địa, Bắc Kỳ là đất bảo hộ, Trung Kỳ do triều đình quản lí.

+ Đại diện của Pháp ở Huế trực tiếp điều khiển ở Trung Kỳ.

+ Ngoại giao của Việt Nam do Pháp nắm giữ.

- Về quân sự: triều đình phải nhận các huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy của Pháp, phải triệt hồi binh lính từ Bắc Kỳ về kinh đô, Pháp được tự do đóng quân ở Bắc Kỳ, được toàn quyền xử trí quân Cờ Đen.

- Về kinh tế: Pháp kiểm soát toàn bộ các nguồn lợi trong nước.

- Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến

* Sau hiệp ước Hác-măng, triều đình ra lệnh giải tán các phong trào kháng chiến nhưng những hoạt

động chống Pháp ở Bắc Kỳ vẫn không chấm dứt.

* Ngày 6/6/1884, Pháp kí với triều Nguyễn hiệp ước Pa-tơ-nốt, căn bản dựa trên Hiệp ước Hác-măng

nhưng sửa chữa một số điều nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc thêm những phần tử phong kiến bán nước đầu hàng.

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Sau khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp đã làm gì?

- A. Tìm cách xoa dịu nhân dân
- B. Tìm cách mua chuộc triều đình nhà Nguyễn
- C. Bắt tay thiết lập bộ máy cai trị, chuẩn bị kế hoạch đánh ra Bắc Kỳ
- D. Ngừng kế hoạch mở rộng cuộc chiến để củng cố lực lượng

Câu 2. Ý nào không phản ánh đúng chính sách của nhà Nguyễn trước vận nước nguy nan, khi Pháp đã chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ?

- A. “Bế quan tỏa cảng”
- B. Cử các phái đoàn đi Pháp để đàm phán đòi lại sáu tỉnh Nam Kỳ
- C. Đàn áp đẫm máu các cuộc kn của nhân dân
- D. Từ chối mọi đề nghị cải cách duy tân đất nước

Câu 3. Đứng trước vận nước nguy nan, ai là người đã mạnh dạn dâng lên triều đình những bản điều trần, bày tỏ ý kiến cải cách duy tân?

Câu 8. Trận đánh nào gây được tiếng vang lớn nhất ở Bắc Kỳ năm 1873?

- A. Trận bao vây quân địch trong thành Hà Nội
- B. Trận chiến đấu ở cửa ô Quan Chưởng (Hà Nội)
- C. Trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại Cầu Giấy (Hà Nội)
- D. Trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa)

Câu 9. Vì sao quân đội triều đình nhanh chóng thất thủ tại thành Hà Nội năm 1873?

- A. Triều đình đã đầu hàng
- B. Quân triều đình chống cự yếu ớt
- C. Quân triều đình đã thực hiện chiến thuật phòng thủ, dựa vào thành đợi giặc, chưa kết hợp với nhân dân kháng chiến
- D. Triều đình mãi lo đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân

Câu 10. Trong trận Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất (12-1873), tướng Pháp nào đã tử trận?

- A. Gacghine
- B. Rivie
- C. Hắc măng
- D. Đuy-puy

A. Nguyễn Tri Phương B. Nguyễn Trường Tộ C. Tôn Thất Thuyết D. Hoàng Diệu <u>Câu 4.</u> Để chuẩn bị tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất, thực dân Pháp đã làm gì? A. Xây dựng lực lượng quân đội ở Bắc Kỳ B. Tăng cường viện binh C. Cử gián điệp ra Bắc nắm tình hình và lôi kéo một số tín đồ Công giáo làm lạc D. Gây sức ép buộc triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước mới <u>Câu 5.</u> Thực dân Pháp đã viện cớ nào để tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)? A. Nhà Nguyễn vẫn tiếp tục cs “bế quan tỏa cảng” B. Nhà Nguyễn đàn áp đẫm máu các cuộc khởi nghĩa của nông dân C. Nhà Nguyễn nhờ giải quyết “vụ Đuypuy” D. Nhà Nguyễn phản đối những chính sách ngang ngược của Pháp <u>Câu 6.</u> Chỉ huy cuộc tấn công ra Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873) của Pháp là A. Gacnie B. Bôlaéc C. Rivie D. Rove <u>Câu 7.</u> Ngày 20-11-1873, quân Pháp đã nổ súng tấn công tỉnh thành nào ở Bắc Kỳ? A. Hà Nội B. Hưng Yên C. Hải Dương D. Nam Định	<u>Câu 11.</u> Trong trận chiến đấu ở cửa ô Quan Chưởng, ai đã lãnh đạo binh sĩ chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành? A. Một viên Chương cơ B. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương C. Lưu Vĩnh Phúc D. Hoàng Tá Viêm <u>Câu 12.</u> Chiến thắng của quân ta tại Cầu Giấy lần 1 (1873) đã khiến thực dân Pháp phải A. Tăng nhanh viện binh ra Bắc Kỳ B. Hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng C. Bàn kế hoạch mở rộng chiến tranh xâm lược ra Bắc Kỳ D. Ráo riết đẩy mạnh thực hiện âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam <u>Câu 13.</u> Hãy sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian: 1. Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội lần thứ nhất 2. Phong trào phản đối triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước Giáp Tuất dâng cao khắp cả nước 3. Pháp phái đại úy Gácniê đưa quân ra Bắc A. 1,2,3 B. 2,1,3 C. 3,2,1 D. 3,1,2 <u>Câu 14.</u> Vì sao thực dân Pháp tìm cách thương lượng với triều đình nhà Nguyễn để kí kết bản hiệp ước mới vào năm 1874? A. Pháp thất bại trong việc đánh chiếm thành Hà Nội B. Pháp bị chặn đánh ở Thanh Hóa C. Pháp thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ nhất D. Pháp thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai
--	---

.....

BÀI 21 **PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XIX**

I. PHONG TRÀO CẢN VƯƠNG BÙNG NỔ

1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại kinh thành Huế và sự bùng phát phong trào Cản vương
 - a. Nguyên nhân

- Phong trào phản đối 2 hiệp ước Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt diễn ra sôi nổi.
- Pháp tìm mọi cách loại trừ phái chủ chiến.

→ Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến hành động.

b. Diễn biến

- Đêm ngày 4 rạng ngày 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công Pháp tại đồn Mang Cá, toà

Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị thiếu chu đáo cuộc chiến đấu của ta nhanh chóng giảm sút.

- Sáng ngày 06/7, Pháp phản công. Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị).

- Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết mượn danh vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi văn

thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

c. Ý nghĩa

- Chiếu Cần vương đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân.

- Tạo thành phong trào đấu tranh chống Pháp sôi nổi, liên tục kéo dài hơn 10 năm mới chấm dứt.

2. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương

a. Giai đoạn I (1885→1888)

- Lãnh đạo: vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, văn thân, sĩ phu yêu nước.

- Lực lượng: đông đảo nhân dân, có cả dân tộc thiểu số.

- Địa bàn: rộng lớn, khắp Bắc và Trung Kỳ.

- Khởi nghĩa tiêu biểu: Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Nguyễn Thiện Thuật (Hưng Yên), ...

- Kết quả: cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã hiên ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đày sang An-giê-ri (Bắc Phi).

b. Giai đoạn II (1888 → 1896)

- Lãnh đạo: văn thân, sĩ phu yêu nước.

- Địa bàn: Thu hẹp, quy tụ dần thành các trung tâm lớn, chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi.

- Khởi nghĩa tiêu biểu: Hùng Lĩnh do Cao Điển và Tống Duy Tân lãnh đạo, khởi nghĩa Hương Khê do

Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo....

- Kết quả : Đầu năm 1896, phong trào Cần Vương chấm dứt.

c. Tính chất của phong trào Cần Vương: là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp mang ý thức hệ phong kiến, thể hiện tính dân tộc sâu sắc.

II. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TỰ VỆ CUỐI THẾ KỶ XIX

1. Bãi Sậy (1885 -1892)

- Lãnh đạo : Nguyễn Thiện Thuật ,Độc Tít

- Địa bàn:

+ Căn cứ chính là Bãi Sậy (Hưng Yên)

+ Lan rộng: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

+ Ngoài ra còn có căn cứ Hai Sông.

a. Diễn biến

- Từ năm 1885 đến 1887, xây dựng căn cứ Bãi Sậy, tỏa ra hoạt động ở đồng bằng, khống chế các tuyến giao thông đường bộ, đường sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống.

- Nghĩa quân tổ chức thành những phân đội nhỏ từ 10 – 15 người, trà trộn vào dân để hoạt động.

- Từ năm 1888, bước vào chiến đấu quyết liệt. Pháp xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc, “dùng người Việt trị người Việt” để cô lập nghĩa quân. Quân ta di chuyển linh hoạt, đánh thắng một số trận lớn, đặc biệt là trận Liêu Trung, tiêu diệt được chỉ huy của Pháp.

b. Kết quả - Ý nghĩa

- Sau nhiều ngày chiến đấu, lực lượng nghĩa quân giảm sút nhiều, Nguyễn Thiện Thuật đến căn cứ Hai

Sông, sau sang Trung Quốc, rồi mất tại đó năm 1926.

- Giữa năm 1889, căn cứ Hai Sông bị Pháp bao vây, Đốc Tít phải ra hàng giặc và bị đày sang Angiêri.

- Năm 1892, những lực lượng cuối cùng về với nghĩa quân Yên Thế.

- Để lại những kinh nghiệm tác chiến ở đồng bằng.

2. Ba Đình (1886 -1887) (Không dạy)

- Lãnh đạo là Phạm Bành, Đinh Công Tráng

- Địa bàn: dựa vào địa hình ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mỹ Khê (Nga Sơn, Thanh Hóa)

a. Diễn biến

- Xây dựng căn cứ độc đáo: chiến lũy bằng những sọt tre nhồi rơm trộn bùn, dày 8 -10 mét, trên mặt

có các lỗ châu mai, rào kín bằng lũy tre, cuối cùng là vòng cọc tre vót nhọn cắm quanh chân thành.

- Ngoài căn cứ chính còn có căn cứ Mã Cao.

- Nghĩa quân có khoảng 300 người, hoạt động chủ yếu là chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch, các

toán lính hành quân qua căn cứ.

- Tháng 12/1886, Pháp tập trung quân tấn công vào Ba Đình nhưng thất bại.

- Ngày 06/01/1887, địch huy động 2500 quân bao vây căn cứ.

b. Kết quả

- Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, nghĩa quân mở đường máu rút ra ngoài. Sáng 21/01/ 1887, địch chiếm được căn cứ. Nghĩa quân rút lên Mã Cao, sáp nhập với nghĩa quân Cầm Bá Thước.

- Nhiều thủ lĩnh hy sinh hoặc bị bắt. Đinh Công Tráng cô gậy dựng lại phong trào. Năm 1887, ông bị

Pháp giết hại, khởi nghĩa tan rã.

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 -1895)

- Lãnh đạo : Phan Đình Phùng và Cao Thắng.

- Căn cứ chính: Hương Khê (Hà Tĩnh)

- Địa bàn hoạt động : rộng khắp 4 tỉnh Bắc -Trung Kỳ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

a. Hoạt động

* **Giai đoạn 1 (1885 – 1888) :** giai đoạn chuẩn bị

- Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu, tích trữ lương thực.

- Cao Thắng nghiên cứu chế tạo súng trường theo mẫu của Pháp.

* **Giai đoạn 2 (1888 – 1896) :** giai đoạn chiến đấu.

- Từ năm 1889 liên tục tập kích, đẩy lui nhiều cuộc hành quân càn quét của địch

- Nổi tiếng là trận tấn công đồn Trường Lưu, tập kích thị xã Hà Tĩnh, tấn công tỉnh lỵ Nghệ An, phá thế bị bao vây... Trong trận đồn Nu (Thanh Chương) Cao Thắng hy sinh.

b. Kết quả.

- 1894 : Lực lượng nghĩa quân bị hao mòn do bị Pháp bao vây.

- 1895: Phan Đình Phùng hy sinh→ khởi nghĩa thất bại

→ Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương.

4. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 -1913)

- Lãnh đạo : Hoàng Hoa Thám

- Địa bàn hoạt động : Yên Thế (Bắc Giang)

a. Diễn biến:

* Giai đoạn 1884 - 1892

- Tại Yên Thế, nghĩa quân hoạt động riêng lẻ dưới sự chỉ huy của Đề Năm, đẩy lui nhiều trận càn quét của Pháp, mở rộng hoạt động sang Phủ Lạng Thương.
- Tháng 4/1892 Đề Năm bị sát hại.

* Giai đoạn 1893 - 1897

- Đề Thám lãnh đạo, **hai lần giảng hòa với Pháp**, được cai quản bốn tổng Yên Lỗ, Mục Sơn, Nhã Nam, Hữu Thượng.
- Bên ngoài Đề Thám tỏ ra phục tùng, bên trong ngầm ngấm chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

* Giai đoạn 1898 - 1908

Trong 10 năm hòa hoãn, nghĩa quân vừa sản xuất, vừa tích cực luyện tập quân sự. Căn cứ Yên Thế trở thành nơi tụ hội của những nghĩa sĩ yêu nước.

* Giai đoạn 1909 – 1913

- Năm 1909, Pháp tấn công, nghĩa quân phải di chuyển liên tục, lực lượng bị hao mòn.
- Năm 1913, Đề Thám bị ám sát, khởi nghĩa thất bại.

b. Ý nghĩa:

- Là phong trào đấu tranh tự vệ chống Pháp của nông dân Việt Nam, có quy mô lớn nhất trong những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.
- Thể hiện ý chí, sức mạnh bền bỉ, dẻo dai của nông dân .

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Tuy đã hoàn thành về cơ bản công cuộc bình định Việt Nam, thực dân Pháp vẫn gặp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?

- A. Một số quan lại yêu nước và nhân dân Nam Kỳ
- B. Một số quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước và nhân dân trong cả nước
- C. Một số quan lại yêu nước và nhân dân Trung Kỳ
- D. Một số quan lại, văn thân, sĩ phu yêu nước ở BKì

Câu 2. Người đứng đầu phái chủ chiến chủ trương chống Pháp trong triều đình Huế là

- A. Phan Thanh Giản
- B. Vua Hàm Nghi
- C. Tôn Thất Thuyết
- D. Nguyễn Văn Tường

Câu 3. Sau khi cuộc phản công kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đã làm gì?

- A. Đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rời khỏi Hoàng thành đến sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị)
- B. Tiếp tục xây dựng hệ thống sơn phòng
- C. Bổ sung lực lượng quân sự
- D. Đưa vua Hàm Nghi và Tam cung rời khỏi

Câu 8. Sau khi bắt được vua Hàm Nghi, thực dân Pháp đã đưa ông đi đày ở đâu?

- A. Tuynidi
- B. Angiêri
- C. Mêhicô
- D. Nam Phi

Câu 9. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần vương

- A. Chấm dứt hoạt động
- B. Chỉ hoạt động cầm chừng
- C. Vẫn tiếp tục nhưng thu hẹp địa bàn ở Nam Trung Bộ
- D. Tiếp tục hoạt động, quy tụ dần thành những trung tâm lớn

Câu 10. Ý nghĩa của ptrao Cần vương là

- A. Cùng cố chế độ phong kiến Việt Nam
- B. Buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập
- C. Thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cứu nước trong nhân dân
- D. Tạo tiền đề cho sự xuất hiện trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào Cần vương là gì?

- A. Triều đình đã đầu hàng thực dân Pháp
- B. Phong trào diễn ra rời rạc, lẻ tẻ
- C. Thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn và sự

Hoàng thành đến sơn phòng Âu Sơn (Hà Tĩnh) <u>Câu 4.</u> Nội dung chủ yếu của chiếu Cần vương là A. Kêu gọi quần chúng nd đứng lên kháng chiến B. Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến C. Kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội D. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp <u>Câu 5.</u> Phong trào Cần vương diễn ra sôi nổi ở địa phương nào? A. Trung Kỳ và Nam Kỳ B. Bắc Kỳ và Nam Kỳ C. Bắc Kỳ ,Trung Kỳ D. Bắc Kỳ, Trung Kỳ,Nam Kỳ <u>Câu 6.</u> Trong giai đoạn từ 1885 đến 1888, ptrào Cần vương đặt dưới sự chỉ huy của A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn D. Nguyễn Đức Nhuận và Đào Doãn Dịch <u>Câu 7.</u> Bộ chỉ huy của phong trào Cần vương đóng tại địa bàn thuộc hai tỉnh nào? A. Quảng Ngãi và Bình Định B. Quảng Nam và Quảng Trị C. Quảng Bình và Quảng Trị D. Quảng Trị và Hà Tĩnh	chỉ huy thống nhất D. Thực dân Pháp mạnh và đã củng cố được nền thống trị ở Việt Nam <u>Câu 12.</u> Đặc điểm của phong trào Cần vương là A. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến B. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản C. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản D. Là phong trào yêu nước của các tầng lớp nông dân <u>Câu 13.</u> Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX là A. Khởi nghĩa Hương Khê B. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh C. Khởi nghĩa Ba Đình D. Khởi nghĩa Bãi Sậy <u>Câu 14.</u> Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là do ai lãnh đạo? A. Đinh Công Tráng B. Nguyễn Thiện Thuật C. Phan Đình Phùng D. Đinh Gia Quế
--	---

CHƯƠNG II **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH** **THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1918)**

BÀI 22

XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA **LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP**

1. Những chuyển biến về kinh tế

Toàn quyền P. Đu-me hoàn thiện bộ máy thống trị và tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

a. Nông nghiệp: nổi bật là chính sách ruộng đất của Pháp. Năm 1897, Pháp ép triều Nguyễn kí điều

ước “nhượng” quyền “khai khẩn đất hoang” cho chúng.

b. Công nghiệp: chú trọng khai thác mỏ than và kim loại, ngoài ra ngành công nghiệp phục vụ đời

sống như điện, nước, bưu điện cũng lần lượt ra đời.

c. Giao thông vận tải: xây dựng hệ thống đường giao thông hiện đại, vừa phục vụ làm ăn lâu dài,

vừa nhằm mục đích quân sự

d. Thương nghiệp: Việt Nam trở thành thị trường độc chiếm của tư bản Pháp, Pháp độc quyền thu

thuế xuất nhập khẩu.

- Tích cực : Với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam.

- Tiêu cực : Pháp vẫn duy trì phương thức bóc lột phong kiến trong mọi lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội.

2. Những chuyển biến về xã hội

a. Địa chủ:

- Một bộ phận **địa chủ** trở nên giàu có, dựa vào Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân.

- Số địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép nên vẫn có tinh thần chống Pháp .

b. Nông dân Việt Nam:

- Khốn khổ vì thuế khóa, địa tô, phu phen tạp dịch, nạn cướp đất lập đồn điền, dựng nhà máy của Pháp.

- Mất đất, họ đến các công trường, hầm mỏ và đồn điền xin việc. Nông dân Việt Nam là động lực cách mạng to lớn.

***Lực lượng xã hội mới:**

c. Công nhân Việt Nam:

- Họ xuất thân từ nông dân, làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền, các xí nghiệp ..., số lượng ngày càng đông đảo, khá tập trung.

- Còn non trẻ, mục tiêu đấu tranh chủ yếu là vì quyền lợi kinh tế

- Có tinh thần chống Pháp và hưởng ứng các phong trào chống Pháp do các tầng lớp khác lãnh đạo.

d. Tư sản Việt Nam: Những người làm trung gian, đại lý, chủ thầu, chủ xưởng, số sĩ phu yêu nước chịu ảnh hưởng tư tưởng tư sản ... là những lớp người đầu tiên của tư sản Việt Nam.

c. Tiểu tư sản: gồm tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, nhà giáo, nhà báo, học sinh, sinh viên ... có ý

thức dân tộc, tích cực tham gia vào vận động cứu nước.

***Nhận xét :**

- Cuộc khai thác thuộc địa của Pháp đã làm nảy sinh những lực lượng xã hội mới như công nhân, tư sản và tiểu tư sản
- Tạo ra những điều kiện bên trong cho một cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1.</u> Năm 1897, thực dân Pháp cử nhân vật nào sang làm Toàn quyền Đông Dương? A. Rivie B. Gacghine C. Pôn Đume D. Bôlaéc <u>Câu 2.</u> Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là A. Kinh tế nông nghiệp phát triển, kinh tế công nghiệp chậm phát triển B. Xuất hiện những mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nhưng manh mún và lệ thuộc vào Pháp C. Thương nghiệp phát triển D. Hệ thống đường giao thông được mở rộng <u>Câu 3.</u> Trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, xã Việt Nam có hai giai cấp cơ bản là A. Địa chủ phong kiến và tiểu tư sản B. Địa chủ phong kiến và tư sản C. Địa chủ phong kiến và nông dân D. Công nhân và nông dân <u>Câu 4.</u> Giai cấp công nhân Việt Nam tập trung đông nhất ở ngành nào? A. Khai thác mỏ B. Đồn điền C. Công nghiệp đóng tàu D. Các xí nghiệp chế biến <u>Câu 5.</u> Đầu thế kỉ XX, mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam là gì? A. Đòi quyền lợi kinh tế B. Đòi quyền lợi giai cấp C. Đòi quyền lợi dân tộc D. Đòi quyền tự do, dân chủ <u>Câu 6.</u> Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách nào ngay từ khi tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam? A. Chính sách “chia để trị” B. Chính sách “dùng người Pháp trị người Việt” C. Chính sách “đồng hóa” dân tộc Việt Nam D. Chính sách “khủng bố trắng” đối với những người chống đối	<u>Câu 8.</u> Giai cấp hay tầng lớp nào ở Việt Nam ngày càng gánh chịu nhiều thứ thuế và bị khổ cực trầm bẽ trong thời gian thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất? A. Tầng lớp tư sản dân tộc B. Tầng lớp tiểu tư sản C. Giai cấp công nhân D. Giai cấp nông dân <u>Câu 9.</u> Thành phần xuất thân của giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu từ A. Tầng lớp tư sản B. Giai cấp nông dân C. Tầng lớp tiểu tư sản D. Tầng lớp địa chủ nhỏ. <u>Câu 10.</u> Hệ quả lớn nhất trong chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là A. Nền kinh tế phát triển rõ rệt B. Công nghiệp phát triển C. Cơ cấu kinh tế ít nhiều có sự biến chuyển, cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc D. Phong trào yêu nước phát triển mạnh <u>Câu 11.</u> Qua công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, phương thức sản xuất nào từng bước du nhập vào Việt Nam? A. Phương thức sản xuất phong kiến B. Phương thức sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp C. Phương thức sản xuất thực dân D. Phương thức sản xuất TBCN <u>Câu 12.</u> Để tối đa hóa nguồn lợi nhuận, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, thực dân Pháp vẫn duy trì phương thức bóc lột nào? A. Phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa B. Phương thức bóc lột phong kiến C. Phương thức bóc lột thực dân D. Phương thức bóc lột tiền tư bản chủ nghĩa <u>Câu 13.</u> Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam đã làm xuất hiện các giai cấp và tầng lớp xã hội mới, đó là A. Địa chủ nhỏ và công nhân B. Công nhân, tư sản dân tộc và tiểu tư sản C. Công nhân, nông dân và tư sản dân tộc
---	---

Câu 7. Trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng vào ngành nào? A. Công nghiệp nặng B. Công nghiệp nhẹ C. Khai thác mỏ D. Luyện kim và cơ khí	D. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản Câu 14. Giai cấp nào ra đời trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam và trở thành lực lượng đông đảo của cách mạng? A. Tư sản dân tộc B. Công nhân C. Nông dân D. Tiểu tư sản
--	---

BÀI 23

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

I. PHAN BỘI CHÂU VÀ XU HƯỚNG BAO ĐỘNG

* **Chủ trương:** dùng bạo lực giành độc lập.

* **Hoạt động:**

- Tháng 5/1904, lập Hội Duy tân ở Quảng Nam:
- + Mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.
- + Hội tổ chức phong trào Đông du, đưa gần 200 học sinh sang Nhật học tập.
- + Tháng 09/1908, Nhật bắt tay với Pháp trục xuất tất cả lưu học sinh Việt Nam và Phan Bội Châu.

Phong trào Đông du tan rã.

- Nguyên nhân thất bại: do các thế lực đế quốc (Nhật-Pháp) cấu kết với nhau để trục xuất thanh niên

yêu nước Việt Nam ở Nhật.

- Tháng 6/1912, ông lập Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Châu, Trung Quốc:
- + Tôn chỉ “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam”.
- + Hội tổ chức ám sát những tên thực dân đầu sỏ, tấn công các đồn binh Pháp ở Vân Nam... nhưng chỉ

thu được những kết quả hạn chế trong khi lực lượng hao tổn khá lớn.

- Ngày 24/12/1913 Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam ở nhà tù Quảng Đông.
- Năm 1925, Phan Bội Châu bị bắt, rồi bị giam lỏng ở Huế cho đến khi qua đời.

* **Bài học rút ra từ phong trào:**

- Chủ trương bạo động là đúng, nhưng tư tưởng cầu viện là sai (không thể dựa để quốc đánh để được).
- Cần xây dựng thực lực trong nước, trên cơ sở đó mà tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế.

II. PHAN CHÂU TRINH VÀ XU HƯỚNG CẢI CÁCH

* **Chủ trương:** đấu tranh ôn hòa, bằng những biện pháp cải cách như nâng cao dân trí dân quyền,

dựa vào Pháp để đánh đổ vua quan phong kiến hủ bại, xem đó là *điều kiện tiên quyết để giành độc lập*.

* **Hoạt động:**

- Năm 1906, ông cùng một nhóm sĩ phu đất Quảng như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Ngô Đức

Kế mở cuộc vận động Duy tân ở Trung kỳ:

+ Kinh tế: chú ý cổ động thực nghiệp, lập hội kinh doanh, phát triển nghề thủ công, làm vườn, lập “nông hội” ...

+ Giáo dục: mở trường dạy theo kiểu mới để nâng cao dân trí, dạy chữ Quốc ngữ, các môn học mới ...

+ Văn hóa: vận động cải cách trang phục và lối sống: cắt tóc ngắn, ăn mặc “Âu hóa”, bài trừ mê tín dị đoan và các hủ tục phong kiến....

- Năm 1908, sau phong trào chống thuế ở Trung kỳ, Pháp đàn áp dữ dội.

- Năm 1908, Phan Châu Trinh bị án tù 3 năm ở Côn Đảo.

- Năm 1911 Chính quyền thực dân đưa Ông sang Pháp

- Ông là nhà cách mạng tiêu biểu cho khuynh hướng cải cách ở Việt Nam đầu thế kỷ 20.

*** Nguyên nhân dẫn tới phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908.**

- Do chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp, nông dân vô cùng khổ khổ về các thứ thuế.

- Ảnh hưởng của cuộc vận động Duy Tân

- Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Phong trào thất bại. Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp bị kết án tử

hình.

III. ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC, VỤ ĐẦU ĐỘC BINH SĨ PHÁP Ở HÀ NỘI VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG CUỐI CÙNG CỦA KHỞI NGHĨA YÊN THẾ. (Đọc thêm)

1. Đông Kinh nghĩa thực: Đông Kinh là tên gọi cũ của Hà Nội; nghĩa thực là trường tư làm việc công ích.

- Lãnh đạo: Lương Văn Can và Nguyễn Quyền

- Thành lập và hoạt động từ tháng 03/1907, là trường học dạy theo mô hình Nhật Bản, dạy địa lý, lịch

sử, khoa học thường thức..., ngoài ra còn tổ chức diễn thuyết, bình văn để cổ động học chữ Quốc ngữ,

hồ hào mở hội kinh doanh công thương nghiệp ...

- Những hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực đã vươn ra ngoài xã hội, trở thành một trung tâm của

phong trào Duy tân ở Bắc kỳ.

- Tháng 11/1907, trường bị đóng cửa, hầu hết giáo viên bị bắt, sách báo bị cấm hoặc tịch thu...

- Dù chỉ hoạt động được 9 tháng, nhưng Đông Kinh nghĩa thực thực sự là một cuộc vận động văn hóa

lớn.

+ Là một tổ chức cách mạng có phân công, phân nhiệm, mục đích rõ ràng, có cơ sở ở các địa phương.

+ Chống nền giáo dục cũ với những giáo điều của Hán Nho mà thực dân Pháp muốn lợi dụng để ngu

dân.

+ Cổ vũ cái mới: học chữ Quốc ngữ, các môn khoa học thực dụng, hồ hào lập hội buôn, phát triển công thương nghiệp. Lên án phong tục tập quán lạc hậu.

+ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

*** Đánh giá:** Thực chất của các hoạt động này là sự chuẩn bị chống Pháp, trước hết là thông qua việc

dạy chữ dạy người, tuyên truyền tư tưởng dân chủ tư sản, đả phá nền giáo dục lỗi thời, cổ vũ cái mới.

2. Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội năm 1908.

- Ngày 27/6/1908, tổ chức đầu độc lính pháp tại Hà Nội, thực dân Pháp cho tước khí giới và giam binh lính người Việt trong trại.
- Đánh dấu cuộc nổi dậy đầu tiên của binh lính người Việt trong quân đội Pháp, chứng tỏ họ là một lực lượng cần được tập hợp trong cuộc đấu tranh chống đế quốc.

3. Những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế

- Năm 1908, xảy ra vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội của binh lính Việt và nghĩa quân Yên Thế. Kế hoạch bị bại lộ và thất bại.
- Tháng 01/1909, Pháp huy động 1500 lính Âu – Phi tấn công Phồn Xương. Dù giành được một số thắng lợi, nhưng những cuộc chiến đấu quyết liệt và kéo dài đã làm suy kiệt lực lượng nghĩa quân, nhiều chỉ huy giỏi tử trận, một số ra hàng.
- Tháng 02/1913, Pháp mua chuộc tay sai, sát hại Đề Thám một cách đê hèn tại Chợ Gồ (Yên Thế).

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Ý nào không phải là lí do mà vào những năm đầu tk XX một số nhà yêu nước VN muốn đi theo con đường cứu nước của Nhật Bản?

- A. Nhật Bản là nước “đồng văn, đồng chủng”, là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi số phận một nước thuộc địa
- B. Sau Cải cách Minh Trị, Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh
- C. Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga (1905)
- D. Nhật Bản đã đề ra thuyết “Đại Đông Á” nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam

Câu 2. Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

- A. Cải cách kinh tế, xã hội
- B. Duy tân để phát triển đất nước
- C. Bạo lực để giành độc lập dân tộc
- D. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang

Câu 3. Phan Bội Châu chủ trương tập Hội Duy tân nhằm mục đích gì?

- A. Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam
- B. Duy tân làm cho đất nước cường thịnh để giành độc lập
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ phong kiến, hành lập chính thể cộng hòa
- D. Đánh đổ ngôi vua, phát triển lên tư bản chủ nghĩa

Câu 4. Để thực hiện chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp, Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. Duy tân
- B. Đông du

Câu 9. Việt Nam Quang phục hội đã có những hoạt động gì để gây tiếng vang trong nước và thức tỉnh đồng bào?

- A. Tổ chức tuyên truyền vận động đối với quần chúng cách mạng trong nước
- B. Mở lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại QChâu
- C. Cử người bí mật về nước trừ khử những tên thực dân đầu sỏ, kẻ cả Toàn quyền Anbe Xarô và những tên tay sai đắc lực
- D. Tiến hành bạo động vũ trang ở trong nước

Câu 10. Kết quả hoạt động buổi đầu của Việt Nam Quang phục hội là

- A. Tuyên truyền vận động được quần chúng nhân dân ở trong nước
- B. Mở được nhiều lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu
- C. Khuấy động được dư luận trong và ngoài nước
- D. Kích động được tinh thần yêu nước của nhân dân ta

Câu 11. Ý nào không phải là lí do mà vào những năm đầu thế kỉ XX một số nhà yêu nước Việt Nam muốn đi theo con đường cứu nước của Nhật Bản?

- A. Nhật Bản là nước “đồng văn, đồng chủng”, là nước duy nhất ở châu Á thoát khỏi số phận một nước thuộc địa
- B. Sau Cải cách Minh Trị, Nhật Bản trở thành nước tư bản hùng mạnh
- C. Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga

C. Bạo động chống Pháp D. “Chấn hưng nội hóa” <u>Câu 5.</u> Vì sao phong trào Đông du tan rã (1908) ? A. Phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn B. Đã hết thời gian đào tạo, học sinh phải về nước C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa học sinh về nước D. Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp ở Đông Dương, trục xuất số lưu học sinh Việt Nam, kể cả Phan Bội Châu <u>Câu 6.</u> Sau thời gian ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã đến đâu để tiếp tục hoạt động? A. Trung Quốc B. Triều Tiên C. Về nước D. Thái Lan <u>Câu 7.</u> Tại sao Phan Bội Châu lại quay trở lại hoạt động ở Trung Quốc? A. Trung Quốc gần với Việt Nam nên dễ dàng về nước hoạt động B. Ảnh hưởng tư tưởng của các cuộc cải cách ở Trung Quốc C. CM Tân Hợi (1911) bùng nổ, triều đình Mãn Thanh bị lật đổ, Chính phủ Dân quốc được thành lập, thi hành nhiều chính sách tiến bộ D. Do Trung Quốc không phải là thuộc địa của thực dân Pháp <u>Câu 8.</u> Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích gì? A. Tập hợp các lực lượng yêu nước của Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc B. Chuẩn bị lực lượng để tiến hành bạo động giành độc lập C. Đào tạo đội ngũ cán bộ, đưa về nước hoạt động D. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam	(1905) D. Nhật Bản đã đề ra thuyết “Đại Đông Á” nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam <u>Câu 12.</u> Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào? A. Cải cách kinh tế, xã hội B. Duy tân để phát triển đất nước C. Bạo lực để giành độc lập dân tộc D. Đấu tranh chính trị kết hợp đ tranh vũ trang <u>Câu 13.</u> Phan Bội Châu và các đồng chí của ông chủ trương thành lập Hội Duy tân nhằm mục đích gì? A. Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam B. Duy tân làm cho đất nước cường thịnh để giành độc lập C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ phong kiến, hành lập chính thể cộng hòa D. Đánh đổ ngôi vua, phát triển lên tư bản chủ nghĩa <u>Câu 14.</u> Kết quả hoạt động buổi đầu của Việt Nam Quang phục hội là A. Tuyên truyền vận động được quần chúng nhân dân ở trong nước B. Mở được nhiều lớp huấn luyện đội ngũ cán bộ tại Quảng Châu C. Khuấy động được dư luận trong và ngoài nước D. Kích động được tinh thần yêu nước của nhân dân ta
---	--

BÀI 24 **VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT** **(1914 - 1918)**

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Những biến động về kinh tế

- Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp ra sức vơ vét tối đa nhân lực vật lực và tài lực để gánh đỡ

những tổn thất và thiếu hụt của Pháp trong chiến tranh.

- Pháp tăng thuế, bắt nhân dân Việt Nam mua công trái, vơ vét lương thực, nông lâm sản, kim loại...

đem về Pháp.

- Sự cướp bóc của Pháp ảnh hưởng trầm trọng đến kinh tế - xã hội Việt Nam:

+ **Công nghiệp:** ngành khai mỏ được bỏ vốn thêm, một vài công ty than mới xuất hiện, các kim loại

cần cho chiến tranh được khai thác mạnh.

+ **Công thương nghiệp, giao thông vận tải:** phát triển do chính sách nới tay độc quyền cho tư bản

người Việt được kinh doanh tương đối tự do.

- Công việc kinh doanh của người Việt được mở rộng như Công ty của Nguyễn Hữu Thu, Bạch Thái Bưởi, nhiều xí nghiệp mới xuất hiện.

- Công nghiệp và giao thông vận tải ở Việt Nam có sự phát triển hơn trước, biến đổi so với trước.

- Nông nghiệp: chuyển từ chuyên canh cây lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh (thầu

dầu, đậu, lạc...). Đời sống nông dân khó khăn.

2. Tình hình phân hóa xã hội

Chính sách của Pháp và những biến động về kinh tế trong chiến tranh đã tác động mạnh đến sự phân

hóa xã hội Việt Nam.

- Nạn bị bắt lính và những chính sách trong nông nghiệp đã làm sức sản xuất ở nông thôn giảm sút

nhghiêm trọng, đời sống nông dân bị bần cùng.

- Giai cấp công nhân lớn lên về số lượng, đặc biệt trong hai ngành khai mỏ và trồng cao su.

- Tư sản VNam dần thoát khỏi sự kiểm chế của người Pháp và phát triển: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu

Thu..

- Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển rõ rệt về số lượng.

=> Tư sản và tiểu tư sản tăng về số lượng nhưng chưa trở thành giai cấp. Họ giữ những vai trò kinh tế, chính trị nhất định, song lực lượng chủ chốt của ptrào dân tộc thời kỳ này vẫn là công nhân và nông dân.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VŨ TRANG TRONG CHIẾN TRANH.

1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội

- Do Phan Bội Châu lãnh đạo .

- Lực lượng: công nhân, viên chức hòa xa tuyến Hải Phòng -Vân Nam.

- Hình thức đấu tranh: vũ trang .

- Hoạt động:

+ Tấn công các đồn binh Pháp ở Cao Bằng, Phú Thọ, Nho Quan, Móng Cái...

+ Phá nhà ngục Lao Bảo.

- Thất bại và tan rã năm 1916.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

- Lãnh đạo: Vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân.

- Lực lượng: là nhân dân và binh lính ở Trung Kỳ, có sự lãnh đạo của vua Duy Tân.

- Hoạt động: Dự định phối hợp với binh lính Việt, chủ yếu ở miền Trung nổi dậy khởi nghĩa nhưng thất

bại.

- Kết quả: Cả ba ông bị bắt.

3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên.

- Lãnh đạo: Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến

- Lực lượng: là tù chính trị và binh lính người Việt
- Hoạt động:
 - + Đêm 30 rạng 31.08.1917, quân khởi nghĩa kiểm soát toàn bộ thị xã (trừ trại lính Pháp), giương cờ “*Nam binh phục quốc*”.
 - + Phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi khôi phục nền độc lập của đất nước.
 - + Pháp đưa 2000 lính đàn áp, nghĩa quân chiến đấu anh dũng trong 6 tháng thì thất bại.
 - Kết quả: Tuy thất bại nhưng đánh một đòn mạnh vào chính sách “*Dùng người Việt trị người Việt*” của thực dân Pháp

4. Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ

- Lãnh đạo: Phan Xích Long
- Lực lượng: Chủ yếu là nông dân ở Nam Kỳ
- Hoạt động: Phát triển rầm rộ ở miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long
- Kết quả: Thất bại vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nhưng biểu lộ tinh thần quật khởi của nông dân miền Nam

5. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào các dân tộc thiểu số

- Thủ lĩnh các dân tộc ít người (Giàng Tả Chay, Nơ-trang Long)
- Dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên
- 1914 - 1915: khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc.
- 1918, người Mông ở Lai Châu khởi nghĩa
- 1918 - 1919, ở Đông Bắc, binh lính đồn Bình Liêu nổi dậy, lôi cuốn đông đảo các dân tộc Nùng, Dao...
- Ở Tây Nguyên, lớn nhất là khởi nghĩa của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Long chỉ huy, dài hơn 20 năm.
- Tất cả đều thất bại nhưng đã góp phần vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc.

Nhận xét

- Phong trào đấu tranh lan rộng khắp cả nước, lôi kéo nhiều thành phần xã hội tham gia, hình thức đấu tranh chủ yếu là vũ trang.
- Kết quả: thất bại do bế tắc về đường lối đấu tranh.

III. SỰ XUẤT HIỆN KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI

1. Phong trào công nhân

- Vào thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân vẫn phát triển, kết hợp đấu tranh kinh tế với bạo động vũ trang: nghỉ việc chống cúp phạt lương, bỏ trốn chống bọn cai thầu, tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên, đốt nhà cai thầu...

- Phong trào thể hiện rõ bản chất đoàn kết, kỷ luật của giai cấp công nhân, tuy vậy vẫn mang tính tự phát.

2. Buổi đầu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

a. Tiểu sử

- Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/05/1890 trong một gia đình trí thức yêu nước ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An, nên sớm có tinh thần yêu nước và ý chí cứu nước.
- Ngày 05/06/1911, Người rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

b. Hoạt động

- Từ năm 1911 - 1917, Người đi qua nhiều nước và nhận thức rằng ở đâu bọn thực dân cũng tàn bạo,

độc ác và ở đâu, người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man.

- Cuối năm 1917, Người trở về Pháp, tích cực học tập, rèn luyện và tham gia phong trào công nhân

Pháp. Người đã tích cực viết báo, truyền đơn... tố cáo thực dân Pháp và tuyên truyền cho cách mạng

Việt Nam.

- Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận tư tưởng của Cách mạng tháng Mười

Nga, tư tưởng của Người có những chuyển biến, là cơ sở để sau này Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

.....

Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. “Nhiệm vụ chủ yếu của Đông Dương là cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực ...” là tuyên bố của

- A. Chính phủ Pháp
- B. Toàn quyền Đông Dương
- C. Chính phủ tay sai ở Đông Dương
- D. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương

Câu 2. Để phục vụ cho cuộc Cttg I, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách gì?

- A. Khuyến khích nhân dân ta tích cực sản xuất nông nghiệp để tăng nguồn lương thực
- B. Tăng cường đầu tư sản xuất công nghiệp
- C. Tăng thuế để tăng nguồn thu ngân sách
- D. Bắt nhân dân ta đóng nhiều thứ thuế, mua công trái, đưa lương thực, nông sản, kim loại sang Pháp

Câu 3. Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động mạnh nhất đến lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế
- B. Văn hóa
- C. Kinh tế - xã hội
- D. Giáo dục

Câu 4. Nền công nghiệp ở Đông Dương trong những năm CTTG thứ nhất có vai trò như thế nào?

- A. Phải gánh đỡ những tổn thất, thiếu hụt của chính quốc
- B. Có vai trò chính trong việc bù đắp những tổn thất, thiếu hụt do chiến tranh của chính quốc
- C. Cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ

Câu 8. Yếu tố nào tác động đến tình hình xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Chính sách về kinh tế, xã hội của Pháp ở Việt Nam
- B. Những biến động về kinh tế ở Việt Nam
- C. Chính sách của Pháp và những biến động về kinh tế ở Việt Nam
- D. Pháp là một bên tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

Câu 9. Nguyên nhân nào dẫn đến đời sống của nông dân Việt Nam này càng bần cùng trong những năm Cttg thứ nhất?

- A. Pháp chuyển sang độc canh cây công nghiệp phục vụ chiến tranh
- B. Không quan tâm phát triển nông nghiệp
- C. Nạn bắt lính đưa sang chiến trường châu Âu, nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu cao thuế nặng
- D. Hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên

Câu 10. Trong bối cảnh đó, tư sản Việt Nam làm gì để có địa vị chính trị nhất định?

- A. Tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh
- B. Đẩy mạnh buôn bán với tư bản Pháp
- C. Lập cơ quan ngôn luận, bênh vực quyền lợi về chính trị và kinh tế cho người trong nước
- D. Cử người tham gia bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

nhu cầu của chiến tranh

D. Tránh sự phụ thuộc vào nền công nghiệp chính quốc

Câu 5. CTTG thứ nhất làm cho việc trao đổi hàng hóa giữa Pháp với Đông Dương thế nào?

A. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương giảm

B. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương tăng lên

C. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp giảm

D. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp tăng lên

Câu 6. Để giải quyết khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Đông Dương và Pháp trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư bản Pháp đã đưa ra giải pháp gì?

A. Liên kết đầu tư kinh doanh

B. Nói dối độc quyền, cho tư bản người Việt được kinh doanh tương đối tự do

C. Khuyến khích đầu tư vốn vào các ngành sản xuất công nghiệp

D. Khuyến khích các nghề thủ công truyền thống phát triển

Câu 7. Nền nông nghiệp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có sự chuyển biến ra sao?

A. Chuyển từ độc canh cây lúa sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

B. Chuyển hẳn sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

C. Chuyển sang nền nông nghiệp chuyên canh hóa

D. Chuyển sang nền nông nghiệp hàng hóa

Câu 11. Lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Tư sản dân tộc

B. Tiểu tư sản

C. Công nhân

D. Công nhân và nông dân

Câu 12. Hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Đấu tranh chính trị

B. Đấu tranh kinh tế

C. Đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động

D. Bạo động vũ trang

Câu 13. Hình thức đấu tranh kinh tế của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Chống cúp phạt lương

B. Đòi tăng lương

C. Đòi giảm giờ làm

D. Chống làm việc quá 12 giờ trong ngày

Câu 14. Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có ý nghĩa gì?

A. Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân

B. Thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân

C. Tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc

D. Khẳng định vị trí, vai trò của công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

.....

BÀI 25
SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM
(1858 – 1918)

1. Nước Việt Nam giữa thế kỷ XIX- trước cuộc xâm lược của tư bản Pháp

- Giữa thế kỷ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam bị khủng hoảng, mâu thuẫn xã hội nảy sinh, yêu cầu

- Lúc đó thực dân Pháp trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản ... nhu cầu xâm chiếm thuộc địa.... nên tư bản Pháp đã xâm lược Việt Nam giàu sức người, sức của.

2. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến của nhân dân ta

Các sự kiện chính của tiến trình Pháp xâm lược Việt Nam (1858 - 1884)

Niên đại	Sự kiện
1/9/1858	Pháp đánh chiếm bán đảo Sơn Trà, mở màn xâm lược Việt Nam
2/1859	Pháp đánh Gia Định
2/1862	Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ
5/6/1862	Ký hiệp ước Nhâm Tuất
6/1867	Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ
20/11/1873	Pháp đánh thành Hà Nội
18/8/1883	Pháp đánh vào Huế, triều đình đầu hàng ký hiệp ước Hác-măng
6/6/1884	Ký hiệp ước Pa-tơ-nốt

Các kiện chính của phong trào Cần Vương (1885 – 1896)

Niên đại	Sự kiện
5/7/1885	Cuộc phản công quân Pháp của phe chủ chiến ở Huế
13/7/1885	Ra chiếu Cần vương
1886-1887	Khởi nghĩa Ba Đình
1883-1892	Khởi nghĩa Bãi Sậy
1885-1895	Khởi nghĩa Hương Khê
1884-1913	Khởi nghĩa Yên Thế
Nửa cuối thế kỷ XIX	Trào lưu cải cách Duy Tân

Các sự kiện chính của phong trào Yêu nước đầu thế kỷ XX (đến 1918)

Niên đại	Sự kiện
1905 -1909	Phong trào Đông Du .
1907	Đông Kinh Nghĩa Thục
1908	Cuộc vận động Duy Tân và phong trào chống thuế ở Trung kỳ.
1916	Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế .
1917	Khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị ở Thái Nguyên .
1911	Nguyễn Tất Thành bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước .

Nhận xét chung về phong trào chống Pháp ở nửa cuối thế kỷ XIX:

-Quy mô: khắp miền Trung kỳ và Bắc kỳ, thành phần tham gia bao gồm các sĩ phu, văn thân yêu nước và đông đảo nông dân, rất quyết liệt, tiêu biểu là ba cuộc khởi nghĩa lớn : Ba Đình, Bãi Sậy và Hương Khê

-Hình thức và phương pháp đấu tranh: khởi nghĩa vũ trang (phù hợp với truyền thống đấu tranh của dân tộc).

-Tính chất: là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

-Ý nghĩa: chứng tỏ ý chí đấu tranh giành lại độc lập dân tộc của nhân dân ta rất mãnh liệt, không gì tiêu diệt được.

3. Những biến đổi về kinh tế, xã hội, tư tưởng trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu TK XX

- Nguyên nhân sự chuyển biến: tác động của cuộc khai thác của thực dân Pháp ở Việt Nam và những luồng tư tưởng tiến bộ trên thế giới dội vào; tấm gương tự cường của Nhật.

- Những biểu hiện cụ thể:

- + Về chủ trương đường lối: giành độc lập dân tộc, xây dựng một xã hội tiến bộ (quân chủ lập hiến, dân chủ cộng hòa theo mô hình của Nhật Bản).
- + Về biện pháp đấu tranh: phong phú, khởi nghĩa vũ trang; Duy Tân cải cách.
- + Về thành phần tham gia: đông đảo, nhiều tầng lớp xã hội ở cả thành thị và nông thôn.

Câu hỏi trắc nghiệm

<u>Câu 1.</u> Chế độ phong kiến Việt Nam lâm vào khủng hoảng từ thời gian nào? A. Thế kỉ XVII B. Thế kỉ XVIII C. Đầu thế kỉ XIX D. Giữa thế kỉ XIX <u>Câu 2.</u> Biểu hiện của mâu thuẫn xã hội ở Việt Nam giai đoạn này là A. Xung đột về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp tăng lên B. Làng xóm xơ xác, tiêu điều, đời sống nhân dân cực khổ C. Các cuộc bạo loạn và khởi nghĩa nông dân bùng phát trên phạm vi cả nước D. Xã hội loạn lạc, nông dân bị bần cùng hóa <u>Câu 3.</u> Từ đầu thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế tiểu nông của Việt Nam bị cản trở phát triển vì A. Quan hệ sản xuất TBCN chưa hình thành B. Gặp phải trở lực lớn là chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến lỗi thời C. Tư tưởng sản xuất nhỏ, manh mún của đa số nông dân Việt Nam D. Kỹ thuật canh tác quá lạc hậu <u>Câu 4.</u> Để nền kinh tế hàng hóa và thị trường dân tộc phát triển, yêu cầu đặt ra là gì? A. Thống nhất đất nước, thống nhất thị trường dân tộc B. Du nhập quan hệ sản xuất tư bản vào Việt Nam C. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu và bóc lột phong kiến lỗi thời D. Thay đổi kỹ thuật canh tác đã lạc hậu <u>Câu 5.</u> Giữa tk XIX, khi chế độ pk Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng thì ở bên ngoài lại xuất hiện nguy cơ gì đe dọa nền độc lập của nước ta? A. Nhà Thanh ở TQ lăm le xâm lược nước ta B. Nhật Bản tăng cường các hoạt động gây ảnh hưởng đến Việt Nam C. Chủ nghĩa tư bản phương Tây ráo riết bành trướng thế lực sang phương Đông D. Phong kiến Xiêm triển khai kế hoạch bành trướng thế lực ở Đông Nam Á	<u>Câu 8.</u> Sự kiện liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng tấn công ở cửa biển Đà Nẵng (1858) chứng tỏ điều gì? A. Quan hệ giữa nhà Nguyễn và thực dân Pháp chấm dứt B. Pháp chính thức mở cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam C. Là hoạt động dọn đường, chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam của quân Pháp D. Nhà Nguyễn sẽ thất bại trước cuộc xâm lược của quân Pháp <u>Câu 9.</u> Nguyên nhân chính khiến Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp là gì? A. Tiềm lực kinh tế, quân sự yếu hơn nhiều so với tư bản Pháp B. Nhà Nguyễn thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại sai lầm, thiếu đường lối chỉ đạo đúng đắn và thiếu ý chí quyết tâm đánh giặc C. Nhà Nguyễn không nhận được sự ủng hộ của nhân dân D. Ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, không đủ sức hiệu triệu nhân dân chống Pháp <u>Câu 10.</u> Hiệp ước Patenôt đã đánh dấu A. Triều đình nhà Nguyễn bước đầu đầu hàng thực dân Pháp B. Một phần nước ta bị bán cho thực dân Pháp C. Lần cuối cùng triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp D. Sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn trước thực dân Pháp, kể thúc sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập <u>Câu 11.</u> Tại sao sau gần 40 năm (1858 – 1896), thực dân Pháp mới thiết lập được nền thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam? A. Tình hình nước Pháp có nhiều biến động, làm gián đoạn tiến trình xâm lược B. Pháp phải tập trung lực lượng tranh giành ảnh hưởng ở Trung Quốc với các đế quốc khác C. Chúng vấp phải cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, quyết liệt của nhân dân ta D. Sự cản trở quyết liệt của triều đình Mãn Thanh <u>Câu 12.</u> Một phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp của nhân dân ta diễn ra khắp Bắc
---	---

<u>Câu 6.</u> Thực dân Pháp triển khai âm mưu xâm lược Việt Nam thông qua hoạt động nào? A. Điều tra, tìm hiểu tình hình Việt Nam trong thời gian dài B. Thông qua hoạt động của các giáo sĩ trong Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp để thiết lập cơ sở về chính trị, xã hội cần thiết C. Mua chộc quan lại nhà Nguyễn D. Thông qua các thương nhân Pháp để tìm hiểu tình hình Việt Nam <u>Câu 7.</u> Trước nguy cơ xâm lược từ tư bản phương Tây, yêu cầu lịch sử đặt ra là gì? A. Cải cách – duy tân đất nước để tự cường, cải thiện đời sống nhân dân B. Tăng cường liên kết với các nước trong kv để tăng tiềm lực C. “Đóng cửa” không giao thương với phương Tây để tránh những tác động tiêu cực D. Thực hiện chính sách “cấm đạo” triệt để	Kì, Trung Kì những năm cuối thế kỉ XIX là A. Phong trào Cần vương B. Phong trào “tị địa” C. Phong trào cải cách – duy tân đất nước D. Phong trào nông dân Yên Thế <u>Câu 13.</u> Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX là gì? A. Triều đình phong kiến đã đầu hàng hoàn toàn B. Kẻ thù đã áp đặt được ách thống trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam C. Thiếu một lực lượng xã hội tiên tiến, có đủ năng lực và đề ra đường lối đúng để lãnh đạo phong trào D. Việt Nam là một nước phong kiến lạc hậu <u>Câu 14.</u> Mục đích của Pháp trong công cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là A. Khai hóa văn minh cho Việt Nam – một nước phong kiến lạc hậu B. Biến Việt Nam thành nơi cung cấp tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt để làm giàu cho nước Pháp C. Mang lại nguồn lợi cho cả Pháp và Việt Nam D. Tất cả đều sai
---	---